

# HỌC-VIỆN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

SAIGON

*Liên-viên Công-nghiệp*

ĐỘC-SỰ HÀNH-CHÁNH

1966 - 1969

## TỒ-CHỨC BẦU-CỬ Và KẾT-HỢP CHÁNH-ĐẢNG

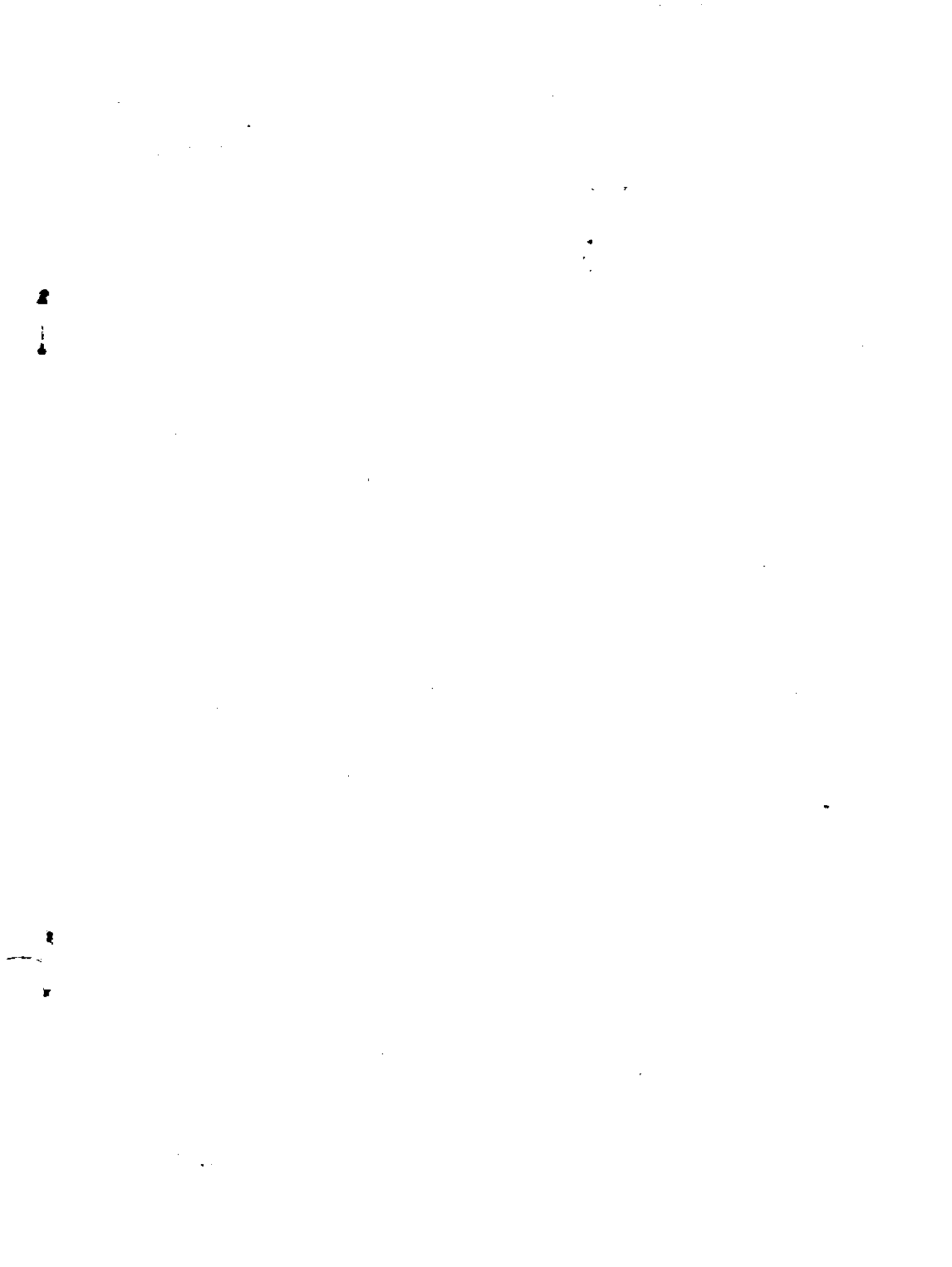
THƯ-VIÊN QUỐC-GIA  
VIỆT-NAM  
Số 0505



Giáo sư hướng dẫn :  
**NGUYỄN-VĂN-TƯƠNG**  
Tiến-sĩ Công-Pháp

Sinh viên đệ trình  
**VĂN-HIỆU-NGHĨA**  
Ban Độc-Sự 14

THƯ VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP  
LVHC 505



*Thành kính tri ơn:*

*giáo sư Nguyễn-văn-Cương*

*đã tận tình hướng dẫn và giúp đỡ chúng tôi*

*hoàn thành tập Luận Văn này*

*Chân thành cảm tạ*

- Giáo sư Viện-trưởng Học-viện Quốc-gia Hành-chánh
- Giáo sư Phó Viện-Trưởng
- Giáo-sư Giám-Đốc Thực-Tập
- Quý-vị Giáo-sư và Giảng-sư trong ban Giảng-Huấn

đã tận-tình giảng dạy và khuyếnbảo chúng tôi trong  
suốt học trình 1966-1969.

VAN-HIỆU-NGHĨA  
Sinh-viên Đốc-sự Khóa 14

# DAN BÀI

## DẪN NHẬP

- Tầm quan trọng của "bầu cử" và "đảng phái" tại các Quốc gia Dân chủ.
- Sơ lược tương quan giữa các thể thức đầu phiếu và chế độ đảng phái.

## PHẦN THỨ NHẤT

### ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU ĐỐI VỚI CHÁNH ĐẢNG

#### CHƯƠNG I : CÁC THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU VÀ SỰ HÌNH THÀNH CỦA MỘT CHẾ ĐỘ ĐẢNG PHÁI.-

Tiết 1: Thể Thức Đầu Phiếu Đa Số Một Vòng Và Hậu Quả Lương Đảng.

- Mục A : Thế nào là đầu phiếu theo ĐA SỐ MỘT VÒNG ?
- Mục B : Tác dụng Lương Đảng.

Tiết 2: Thể Thức Đầu Phiếu Đa Số Hai Vòng Và Hậu Quả Đa Đảng Tương Thuộc.

- Mục A : Thế nào là đầu phiếu theo ĐA SỐ HAI VÒNG ?
- Mục B : Hậu quả Đa Đảng Tương Thuộc.

Tiết 3: Thể Thức Đầu Phiếu Đại Diện Tỷ Lệ và Hậu Quả Đa Đảng Độc Lập.

- Mục A : Thế nào là đầu phiếu theo ĐẠI DIỆN TỶ LỆ ?
- Mục B : Tác dụng Đa Đảng Độc Lập

#### CHƯƠNG II: ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU ĐỐI VỚI SỰ KẾT HỢP CHÁNH ĐẢNG.

Mục A : Ảnh Hưởng Của Các Thể Thức Đầu Phiếu Đối Với Nội Bộ Mỗi Chánh Đảng.

- Đoạn I : Ảnh hưởng của Đơn Danh và Liên Danh đầu phiếu
- Đoạn II: Ảnh hưởng của Hai Thể Thức Đa Số.

Mục B : Ảnh Hưởng Của Các Thể Thức Đầu Phiếu Đối Với Sự Liên Minh Các Chính Đảng.

- Đoạn I : Các Loại Liên Minh.
- Đoạn II : Ảnh hưởng của các Thể Thức Đầu Phiếu trong việc Thành Lập các liên minh.
  - 1.- Ảnh hưởng của thể thức Đa Số Hai Vòng
  - 2.- Ảnh hưởng của thể thức Đại Diện Tỷ Lệ.
  - 3.- Ảnh hưởng của Đa số Một Vòng.

PHẦN THỨ HAI

TỔ CHỨC BẦU CỬ VÀ KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG  
TẠI VIỆT NAM

CHƯƠNG I : TƯƠNG QUAN GIỮA TỔ CHỨC BẦU CỬ VÀ KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG TÀI VIỆT NAM CỘNG HÒA (từ thời đệ I Cộng Hòa đến nay)

Tiết 1 : Tổ Chức Bầu Cử Và Chính Đảng Dưới Thời Đệ I Cộng Hòa

Tiết 2 : Tổ Chức Bầu Cử Và Kết Hợp Chính Đảng Từ Sau Cách Mạng 1.11.1963 Đến Nay.

- Mục A : Sơ lược các cuộc bầu cử đã qua.

- 1.- Cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến
- 2.- Cuộc bầu cử Thượng Nghị Viện
- 3.- Cuộc bầu cử Hạ Nghị Viện

- Mục B : Tương quan giữa các cuộc bầu cử đã qua và sự Kết hợp Chính đảng.

- Đoạn I : Cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến và Chính Đảng
- Đoạn II : Cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống và các chính đảng.
- Đoạn III : Cuộc bầu cử Thượng nghị viện với thể thức đầu phiếu LIÊN DANH HỢP TUYỂN và các Chính Đảng.
- Đoạn IV : Cuộc bầu cử Hạ Nghị Viện và các Chính Đảng

CHƯƠNG II : ĐƯỜNG LỐI KẾT HỢP ĐẢNG PHÁI CỦA VIỆT NAM CỘNG HÒA TRONG HIỆN TẠI.-

Mục A : Nhu Cầu Kết Hợp Đảng Phái Trong Hiện Tình Đất Nước.

Hai chủ điểm này chúng tôi xin sẽ đề cập đến ở phần II của tập luận văn, sau khi đã trình bày - nặng về lý thuyết - ảnh hưởng của tổ chức bầu cử đối với chính đảng trong phần I.

Đĩ nhiên, với một khuôn khổ hạn hẹp, ở đây chúng tôi chỉ có thể đưa ra những đường nét đại cương của vấn đề mà thôi.

- Phần I : Ảnh hưởng của các thể thức bầu cử đối với các chính đảng.
- Phần II : Tổ chức bầu cử và kết hợp chính đảng tại Việt Nam (từ thời đệ I Cộng Hòa đến nay).

\* \* \*

PHẦN MỘT

# ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU ĐỐI VỚI CHÁNH ĐẢNG



**N**HỮU DĨA TRÌNH BÀY ở phần dẫn nhập, một đặc điểm của chế độ dân chủ là việc chọn người cầm quyền bằng đường lối bầu cử. Nhưng để thực hiện việc bầu cử, các quốc gia áp dụng mỗi nơi một thể thức khác nhau. Việc lựa chọn thể thức đầu phiếu là một vấn đề vô cùng quan trọng. Quan trọng vì lẽ tùy thể thức áp dụng, kết quả sau cùng của cuộc tuyển cử sẽ khác đi.

Tại các nước dân chủ, các thể thức đầu phiếu sau đây thường được áp dụng :

- Thể thức đơn danh đầu phiếu
- Thể thức liên danh đầu phiếu
- Thể thức đa số
- và thể thức đại diện tỉ lệ

Đơn danh và liên danh đầu phiếu là hai thể thức được áp dụng để phân chia lãnh thổ ra làm nhiều đơn vị đầu phiếu và ấn định số đại diện mà mỗi đơn vị được bầu.

Thể thức đại diện tỉ lệ và thể thức đa số là hai thể thức dùng để ấn định sự trúng cử.

Hai thể thức trên thường chỉ có ảnh hưởng đến sự thành lập các liên minh chính đảng.

Còn hai thể thức dưới có tác dụng không những đối với liên minh các chính đảng, mà còn đối với cả số lượng chính đảng xuất hiện trong nước. Vì vậy, để khảo sát mối tương quan giữa các thể thức đầu phiếu và các chính đảng, chúng tôi phân biệt làm hai trường hợp :

- Ảnh hưởng của các thể thức đầu phiếu đối với sự thành lập các chế độ đảng phái.
- và ảnh hưởng của các thể thức đầu phiếu đối với sự kết hợp các chính đảng.

## *Chương Một*

### CÁC THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU VÀ SỰ HÌNH THÀNH CỦA MỘT CHẾ ĐỘ ĐẢNG PHÁI

Xét về số lượng các chính đảng xuất hiện trong một quốc gia, người ta nhận thấy số lượng này ít nhiều đã chịu ảnh hưởng của các thể thức ấn định sự trúng cử vì kết quả cuộc đầu phiếu tùy thuộc nhiều vào thể thức áp dụng. Nói khác, thể thức đầu phiếu khiến cho một chính đảng được tham chính hay bị loại khỏi chính trường.

Điều này có thể nhận thấy rõ ràng hơn khi chúng ta tìm hiểu cận kề các thể thức đầu phiếu (đa số một vòng, đa số hai vòng, đại diện tỉ lệ) và tác dụng về phương diện chính trị của từng thể thức một.

- Tiết 1 : thể thức đa số một vòng và hậu quả lưỡng đảng
- Tiết 2 : thể thức đa số hai vòng và hậu quả đa đảng
- Tiết 3 : thể thức đại diện tỉ lệ và hậu quả đa đảng độc lập.

#### TIẾT 1

#### THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU ĐA SỐ MỘT VÒNG VÀ HẬU QUẢ LƯƠNG ĐẢNG

Đầu phiếu theo đa số một vòng là gì ? Tại sao thể thức này có tác dụng đưa đến chế độ lưỡng đảng ?

Đó là hai khía cạnh quan yếu của vấn đề mà chúng ta cần cứu xét trên cả hai bình diện : lý thuyết lẫn thực tế.

#### MỤC A : THỂ NÀO LÀ ĐẦU PHIẾU THEO ĐA SỐ MỘT VÒNG ?

Đầu phiếu theo đa số một vòng - tóm tắt - là một thể thức đầu phiếu tuyên bố đặc cử ứng cử viên nào được nhiều phiếu

nhút, bất luận số phiếu này là đa số hay không của số phiếu đã bỏ vào các thùng phiếu. Nói cách khác, với thể-thức đa số một vòng, kết quả sẽ có ngay sau khi đầu phiếu, vì với thể thức này một đa số tương đối cũng đủ để đắc cử.

Thí dụ tổng số phiếu cử tri đã bỏ vào thùng phiếu là 100.000 để bầu cho 3 ứng cử viên. Người thứ nhất được 40.000, người hai được 35.000 và người thứ ba được 22.000 phiếu. Theo thể thức này, người thứ nhất được tuyên bố đắc cử, mặc dầu y không có số phiếu đa số tuyệt đối.

Thể thức đầu phiếu đa số một vòng đã được áp dụng từ xưa đến nay tại Anh quốc. Nó có ba đặc tính chính yếu sau đây :

1.- Làm mất hẳn giá trị của một số phiếu rất lớn mà cử tri đã bầu cho các ứng viên thật cử. Thật vậy, nếu đem cộng tổng số phiếu mà các dân biểu Hạ viện Anh quốc bầu được vào năm 1954 không phân biệt đảng phái, chúng ta sẽ ngạc nhiên vì tỉ số rất ít cử tri đã bầu cho các ứng viên đắc cử.

2.- Có thể đưa đến một sự trật khớp kỳ quặc : giữa tổng số phiếu mỗi liên danh bầu đắc và con số diện tích sự đại diện của đảng tại quốc hội.

Ví dụ : năm 1954, Hạ viện Anh quốc có 319 dân biểu Bảo thủ và 294 dân biểu Lao động, tuy rằng trên toàn quốc, tổng số phiếu ủng hộ các ứng viên đảng Lao động lớn hơn (13.900.000 phiếu Lao động so với 13.700.000 phiếu Bảo thủ).

3.- Giảm một cách máy móc và mạnh mẽ số lượng chính đảng trong nước còn có hai đảng đủ mạnh để có thể chi phối sinh hoạt chính trị quốc gia và nắm chính quyền. Nói khác đi, đây chính là hậu quả lưỡng đảng của thể thức đa số một vòng. Cách riêng, hậu quả này là vấn đề chúng ta cần mổ xẻ.

#### MỤC B : TÁC DỤNG LƯƠNG ĐẢNG CỦA THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU THEO ĐA SỐ MỘT VÒNG :

Một câu hỏi thường được mọi người nêu lên là: bằng cách nào, thể thức đầu phiếu đa số một vòng đã tác động để tạo chiều hướng thuận lợi cho sự xuất hiện của chế độ lưỡng đảng ? Hay nói

rõ hơn, bằng cách nào đầu phiếu theo đa số một vòng khuyến khích sự hình thành của chế độ lưỡng đảng và ngăn chặn sự xuất hiện của chế độ đa đảng? Một giải đáp thỏa đáng chắc chắn phải căn cứ vào lý thuyết lẫn thực tế.

1.- Về phương diện lý thuyết :

Tác dụng lưỡng đảng của thể thức đầu phiếu theo đa số một vòng thường được người ta giải thích bằng bản chất của chính nó, tâm lý quần chúng và chính đảng.

a)- Xét về bản chất thể thức :

Như mọi người đều biết, thể thức đầu phiếu theo đa số một vòng có khuynh hướng đưa đến sự tập trung dư luận quần chúng thành hai luồng rõ rệt. Lý do dễ hiểu là vì ở đây, một đa số tương đối đủ để đắc cử ở vòng đầu cũng là vòng duy nhất, mọi chia rẽ chắc chắn đưa đến thất bại. Nói cách khác, thể thức đa số một vòng có tác dụng làm cho những khuynh hướng giống nhau hoặc tương tự nhau hợp lại và thành lập hai khối độc lập, nếu muốn tránh bị đê bẹp. Để chứng minh điều này, ta lấy thí dụ : trong một đơn vị tuyển cử hai chính đảng, dư luận theo đảng Bảo Thủ 60% và theo đảng Lao Động 40%. Như vậy, theo thể thức đa số một vòng, đảng Bảo Thủ thắng cử vì có đa số phiếu tương đối. Nhưng, nếu vì một lý do nào đó, đảng bảo thủ chia rẽ làm hai nhóm A và B : A được 30% dư luận và B được 30%. Bây giờ thì đảng Lao Động sẽ đắc cử vì có được 40% dư luận. Trước hiểm họa đó, chắc chắn hai nhóm A và B sẽ kết hợp lại để chỉ đưa ra một ứng cử viên chung chống lại ứng viên đảng đối lập.

Mặt khác, đầu phiếu theo đa số một vòng còn là một rào cản, ngăn chặn sự xuất hiện của một chính đảng thứ 3 trong một chế độ lưỡng đảng đã có. Vì nó khiến chính đảng sau này không được đại diện đúng mức so với phân số dư luận chú ý đến nó. Thật vậy, trong chế độ lưỡng đảng, với thể thức đầu phiếu đa số một vòng, chính đảng chiến bại vốn đã không được đại diện đúng mức bằng chính đảng chiến thắng. Bây giờ, lại có thêm chính đảng thứ ba, kềm xe chính đảng chiến bại về phương diện đại diện. Thử hỏi làm sao chính đảng này không thất bại được ?

Từ đó, ta có thể kết luận : "Khi nào một chính đảng mới ra tranh cử với hai chính đảng cũ mà còn to rayếu kém thì thể thức đầu phiếu theo đa số một vòng sẽ là bức tường kiên cố ngăn cản sự xuất hiện của nó". Nhưng, giả sử tân chính đảng có uy tín hơn một trong hai chính đảng cũ thì sao ? Dĩ nhiên, một trong hai chính đảng đó sẽ rơi vào tình trạng chính đảng thứ ba kém nhất và sẽ bị loại khỏi chính trường.

b) - Xét về tâm lý cử tri :

Với thể thức đầu phiếu đa số một vòng và ứng cử viên vừa đơn giản, cử tri có khuynh hướng bỏ phiếu cho ứng cử viên nào mà họ gần gũi và có nhiều hy vọng đặc cử nhất, chứ không phải ứng cử viên lý tưởng. Thực tế chính trị tại Anh quốc cho thấy rõ điều đó. Ở Anh, ngoài hai đảng lớn : Bảo Thủ và Lao Động, còn có đảng Tự Do cũng được dư luận chú ý không ít. Nhưng ở Quốc hội, đại diện của đảng Tự Do hầu như không có. Vì trong đa số đơn vị tuyển cử, ứng viên đảng Tự-do không bao giờ hy vọng đặc cử. Do đó, cử tri của đảng này có khuynh hướng dồn phiếu của họ cho một trong hai ứng viên khác. Làm như thế để cho lá phiếu của họ có một tác dụng cụ thể.

Hậu quả của hiện tượng tâm lý này là các chính đảng yếu thế, muốn lớn mạnh, bất lợi rõ rệt.

Tóm lại, tâm trạng của cử tri cũng như của chính đảng đã đưa đến một sự tập trung lực lượng chính trị trong trường hợp đầu phiếu theo đa số một vòng được áp dụng. Đó là lý thuyết, trong thực tế có vài ngoại lệ.

2. - Trong thực tế :

Tại các quốc gia dân chủ, thể thức đầu phiếu theo đa số một vòng và chế độ lưỡng đảng có một sự trùng hợp mà ta không thể nào phủ nhận. Thật vậy, các nước có chế độ lưỡng đảng đều áp dụng thể thức đầu phiếu theo đa số một vòng và ngược lại, các quốc gia áp dụng thể thức đa số một vòng đều có chế độ lưỡng đảng.

Thí dụ cụ thể có thể tìm thấy ở Anh quốc và các quốc gia thuộc Khối Liên Hiệp Anh, Thổ Nhĩ Kỳ và Hoa Kỳ. Ngoại trừ, một số ít trường hợp đặc biệt sẽ xét sau :

a) - Anh quốc và các quốc gia thuộc Khối Liên Hiệp Anh

Trường hợp Anh Cát Lợi và các nước thuộc Khối Liên Hiệp Anh là một thí dụ điển hình về sự trùng hợp nói trên.

Tại các quốc gia này, quả thật, chế độ lưỡng đảng đã song hành với thể thức đầu phiếu theo đa số một vòng. Cụ thể tại Anh quốc, thoát kỳ thủy chỉ có hai đảng đối lập nhau là đảng Bảo Thủ và đảng Tự Do (hai đảng này đúng ra là phản ảnh của sự xung đột giai cấp giữa giới quý tộc và giới trung giả). Chúng là biểu thị rõ rệt nhất xu hướng lưỡng đảng của Anh quốc xưa kia. Nhưng về sau, với sự phát triển kỹ nghệ và tăng trưởng của giới vô sản đã làm phát sinh tại nước này một lực lượng chính trị thứ ba hiện thân trong đảng Lao Động. Đảng này tranh giành ảnh hưởng với đảng Tự Do cổ truyền, biến chế độ lưỡng đảng trước kia thành chế độ tam đảng.

Tuy nhiên, chỉ một thời gian sau, Anh quốc lại có sinh hoạt chính trị lưỡng đảng. Tại sao có hiện tượng này? Lý do chính yếu gồm hai yếu tố :

- Sức mạnh của tinh thần bảo thủ của dư luận Anh- quốc.
- và thể thức đầu phiếu

Người dân Anh có tinh thần bảo thủ đơn giản và dư luận thường thường được phân chia làm hai khuynh hướng rõ rệt trên bình diện chính trị. Dân Anh lại có tinh thần thể thao : một tập đoàn chống một tập đoàn, nên họ quan niệm chính trị cũng vậy.

Yếu tố thứ hai là thể thức đầu phiếu. Đó là thể thức đa số một vòng. Hẳn chúng ta đã biết, thể thức này có tác dụng đưa đến một sự tập trung dư luận. Lý do là vì một

đa số tương đối đủ để đắc cử ở vòng đầu là vòng duy nhất. Chánh đảng - để tránh một sự thất bại nếu chia rẽ - cử tri - để lá phiếu của mình có một tác dụng cụ thể - có khuynh hướng tập trung về tổ chức hai vòng dư luận.

b)- Tại Thổ Nhĩ Kỳ :

Trường hợp Thổ Quốc có lẽ đáng chú ý nhất. Trong 20 năm liền, chế độ độc đảng đã thịnh hành tại đây. Nhưng, từ năm 1946, nhiều khuynh hướng chánh trị khác nhau lại bắt đầu xuất hiện. Đến năm 1948, đảng dân tộc tách khỏi đảng Dân Chủ (đổi lập). Điều này làm người ta liên tưởng đến viên ảnh của chế độ đa đảng. Nhưng, trong cuộc bầu cử năm 1950, thể thức đầu phiếu đa số một vòng kiểu Anh được áp dụng và chế độ lưỡng đảng lại xuất hiện ở Thổ Nhĩ Kỳ.

c)- Tại Hoa Kỳ :

Hoa Kỳ có thể thức đầu phiếu thật đặc biệt. Việc tổ chức bầu cử sơ bộ trong mỗi chánh đảng làm chúng ta liên tưởng đến một cuộc đầu phiếu theo đa số hai vòng. Nhưng, nếu chúng ta đồng hóa thể thức này với thể thức đa số hai vòng là lầm lẫn. Việc chỉ định ứng cử viên bằng lá phiếu trong nội bộ mỗi chánh đảng khác hẳn với cuộc đầu phiếu chánh danh.

Chế độ đầu phiếu tại Hoa Kỳ - thật ra - Cũng chỉ là đầu phiếu theo đa số một vòng. Tại đây, giữa chế độ lưỡng đảng với thể thức đa số một vòng người ta cũng nhận thấy có sự trùng hợp.

d)- Các trường hợp đặc biệt :

Như đã đề cập ở trên, tương quan giữa thể thức đầu phiếu và chế độ đảng phái là một tương quan xã hội học cho nên, nó không có sự khắt khe và chính xác của một định luật khoa học. Nói như thế có nghĩa là nó cũng bao hàm một vài ngoại lệ. Những ngoại lệ này - nói chung - có thể giải thích bằng thực tại chánh trị tại các quốc gia liên hệ, như trường hợp Bỉ quốc trước 1894, Thụy Sĩ trước 1911, Đan Mạch trước 1920 và Gia Nã Đại ngày nay. Tại các quốc gia

này không có sự trùng hợp giữa thể thức đầu phiếu theo đa số một vòng và chế độ lưỡng đảng trên bình diện quốc gia. Nhưng ở mỗi địa phương, sự trùng hợp lại xuất hiện.

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tập luận văn, sau đây chúng tôi xin chỉ đề cập đến hai trường hợp điển hình mà thôi. Đó là trường hợp Bỉ quốc trước năm 1894 và trường hợp Gia Nã Đại ngày nay.

\* TRƯỜNG HỢP BỈ QUỐC TRƯỚC 1894. -

Trước năm 1894, thể thức đầu phiếu theo đa số hai vòng được áp dụng tại Bỉ. Nhưng thay vì có một chế độ đa đảng, tại Bỉ lại xuất hiện chế độ lưỡng đảng. Tìm hiểu sự trật khớp này, người ta nhận thấy đó là một trật khớp hình thức hơn là một ngoại lệ thật sự. Bởi vì, tuy đạo luật tuyên cử có dự liệu vòng đầu phiếu thứ hai, nhưng thực tế, trước khi chế độ phổ thông đầu phiếu được chấp nhận, điều khoản trên vẫn chưa có dịp áp dụng.

Tại sao thực tế và pháp chế tuyên cử lại không phù hợp với nhau như vậy? Tại sao sự tranh chấp tam giác không xảy ra, mặc dầu các chính đảng đều biết rằng vòng đầu phiếu thứ hai có dự liệu trong luật pháp? Lý do giản dị: chỉ có hai chính đảng tranh cử.

Nhưng, tại sao hai chính đảng đối lập nhau lại không phân hóa đầu luật định có vòng đầu phiếu thứ hai? Câu trả lời dựa trên hai yếu tố chính là: tổ chức nội bộ và bản chất sự xung đột cánh trị tại Bỉ vào thời gian đó.

- Về tổ chức nội bộ: Các chính đảng tại Bỉ quốc ở vào hậu bán thế kỷ 19 có hai đặc tính rất độc đáo mà không một chính đảng nào ở Âu Châu đồng thời có được. Đó là đoàn kết nội bộ và kỷ luật nghiêm minh. Hai đặc tính này đã giúp các chính đảng Bỉ quốc chiến thắng về vang khuynh hướng chia rẽ nội bộ do thể thức đầu phiếu đa số hai vòng (luật định) gây ra. Và do đó, đã khiến những điều khoản dự liệu trong luật pháp về vòng đầu phiếu thứ hai bị tê liệt.



- Về bản chất sự xung đột chính trị :

Sự tranh chấp chính trị tại Bỉ quốc giữa hai chính đảng đối lập Thiên chúa giáo và Tự Do, trong mấy chục năm sau cùng của thế kỷ thứ 19, mang nặng màu sắc tôn giáo và học vấn. Trong khi, chế độ hạn chế đầu phiếu đã khiến cho đảng xã hội không thể nào xuất hiện. Đó là hai lý do chính khiến Bỉ quốc giữ vững chế độ lưỡng đảng cho đến năm 1894. Thật vậy, ảnh hưởng của giáo hội lúc nào cũng duy trì được sự đoàn kết nội bộ.

Trước sự đoàn kết chặt chẽ của đảng đối-lập - dĩ-nhiên - đảng Tự-Do sẽ không dám chia rẽ vì chia rẽ sẽ đi vào con đường tự diệt. Nhờ đó, chế độ đa đảng đã bị ngăn-chặn.

\* TRƯỜNG HỢP GIA NÃ ĐẠI NGÀY NAY.-

Quan sát sự sinh hoạt chính trị tại Gia Nã Đại vào năm 1962, người ta nhận thấy thể thức đầu phiếu được áp dụng là thể thức đa số một vòng và các ghế trong Quốc Hội được phân chia như sau : đảng Liên Hiệp (68 ghế), đảng Tự Do (125 ghế), đảng Lao Động (32 ghế) và đảng Nông Nghiệp (14 ghế). Sự kiện này có nghĩa là chế độ lưỡng đảng - lẽ ra do thể thức đa số một vòng đem lại - đã nhường bước cho chế độ tứ đảng. Nói khác đi, trên bình diện quốc gia, thể thức đa số một vòng đã không trùng hợp với chế độ lưỡng đảng, ngược lại, đã ăn khớp với chế độ đa đảng. Tuy nhiên, nếu xét cho cùng, chúng ta nhận thấy thật ra tại Gia Nã Đại chỉ có hai đảng đầu là giữ được địa vị quốc gia. Còn hai đảng sau cùng hoàn toàn có tính cách địa phương :

- Đảng Nông nghiệp khởi thủy được thành lập tại Alberta vào năm 1925. Trước khi có danh xưng hiện tại, đảng này đã lần lượt mang những tên Fermier Unis de l'Alberta rồi Xã Hội Tín Dụng.
- Còn lại là đảng Lao Động, đảng này chỉ tuyển đảng viên tại một vài vùng, cho nên nó cũng có tính cách địa phương như đảng Nông-nghiệp mà thôi.

Như vậy, trong khuôn khổ quốc gia, chế độ đảng phái

tại Gia Nã Đại là chế độ đa đảng. Nhưng, trong phạm vi địa phương, chế độ đa đảng đã nhường bước cho chế độ lưỡng đảng vì trong mỗi đơn vị tuyển cử thường chỉ có hai chính đảng tranh giành ảnh hưởng trước cử tri.

Tóm lại, qua những trường hợp thực tế nêu trên chúng ta nhận thấy chế độ đầu phiếu đa số một vòng có hai tác dụng chính :

- Duy trì chế độ lưỡng đảng đã có từ trước.
- Tái lập chế độ lưỡng đảng đã biến đi vì sự xuất hiện của chính đảng thứ ba.

Trường hợp Anh quốc cho thấy rõ ràng hai tác dụng đó. Vào đầu thế kỷ 20, tại Anh cát Lợi, chế độ lưỡng đảng cổ truyền đã nhường bước cho chế độ tam đảng vì sự ra đời của đảng Lao Động. Nhưng nhờ thể thức đầu phiếu đa số một vòng, nửa thế kỷ sau, nước Anh đã quay về chế độ Lưỡng đảng với sự suy tàn của đảng Tự Do.

Riêng tại các nước chưa hề biết chế độ lưỡng đảng là gì hay tại các nước mà chế độ đa đảng là truyền thống C Chánh trị, thể thức đa số một vòng - nếu đem ra áp dụng - chỉ có tác dụng lưỡng đảng sau một thời gian loại dần các chính đảng nhỏ yếu.

## TIẾT 2

### THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU ĐA SỐ HAI VÒNG VÀ HẬU QUẢ ĐA ĐẢNG TƯƠNG THUỘC

Theo giáo sư M. Duverger, thể thức đầu phiếu đa số hai vòng có chiều hướng đưa đến chế độ đa đảng tương thuộc. Nhưng vì là một thể thức cổ xưa, hầu như không còn áp dụng hơn nữa, phần lớn các cuộc bầu cử theo thể thức này lại diễn ra dưới chế độ đầu phiếu hạn chế. Cho nên, về phương diện dẫn chứng, người ta không thể có tài liệu chính xác. Dầu vậy, không ai có thể phủ nhận khuynh hướng đa đảng của

thể thức đa số hai vòng. Tại sao thể thức này đưa đến chế độ lưỡng đảng? Để trả lời, thiết tưởng trước hết cần đề cập qua đầu phiếu theo đa số hai vòng lại?

MỤC A : THỂ NÀO LÀ ĐẦU PHIẾU THEO ĐA SỐ HAI VÒNG ?

1.- Định nghĩa :

Đầu phiếu theo đa số hai vòng là một thể thức tuyển cử - theo đó - một ứng cử viên chỉ đắc cử trong vòng đầu phiếu thứ nhất, nếu y thu được đa số tuyệt đối tổng số phiếu có giá trị. Nếu không sẽ có vòng đầu phiếu thứ hai. Và trong vòng hai này, ứng cử viên chỉ cần hội được đa số phiếu tương đối là đắc cử.

2.- Đặc tính :

Đặc tính của thể thức đa số hai vòng có thể tóm tắt qua 3 điểm :

a)- Khuyến-khích rất nhiều ứng cử viên ra tranh cử trong vòng đầu phiếu một. Điều này dễ hiểu vì tâm lý thông thường ai cũng muốn ứng cử để cầu may và để ra mắt cử tri với hy vọng sẽ đắc cử ở vòng hai. Số ứng cử viên vì thế có khi lên đến hai, ba chục tranh nhau một ghế duy nhất của đơn vị.

b)- Thuận tiện cho sự thành lập liên minh giữa các phe nhóm sau vòng đầu phiếu thứ nhất và trước vòng đầu phiếu thứ hai do tập quán rút lui của ứng cử viên yếu thế.

c)- Khuyến khích các cá nhân độc lập hoặc màu sắc chánh trị không rõ rệt ra ứng cử : Vì thế, đa số các nghị sĩ do lối bầu cử này đắc cử thường tự do đối với các chánh đảng.

Theo giáo sư Waline, thể thức đầu phiếu đa số hai vòng này "thuận tiện cho sự ra mắt tại quốc hội những cá nhân khả năng trị quốc nhưng không thuận tiện cho sự thành lập khối đa số để trị quốc" (le scrutin est à la fois favorable

à l'accès au Parlement d'hommes de gouvernement, mais défavorable à la constitution d'une majorité de gouvernement).

Tóm lại, với ba đặc tính nêu trên, người ta nhận thấy thể thức đa số hai vòng có khuynh hướng phân tán dư luận. Nói khác, thể thức này có tác dụng đa đảng về phương diện chính trị.

#### MỤC B : TÁC DỤNG ĐA ĐẢNG TƯƠNG THUỘC.-

Tác dụng này - thật ra - phát sinh từ cơ chế kỹ thuật bầu phiếu. Nói rõ hơn, nó là hậu quả tất nhiên của vòng bầu phiếu thứ hai. Thật vậy, số chính đảng sơ dĩ có nhiều và tùy thuộc lẫn nhau là vì có vòng bầu phiếu thứ hai dự liệu trong luật pháp. Vòng bầu phiếu này :

- Một mặt, cho phép mọi chính đảng đua nhau ra tranh cử để cầu may trong vòng bầu phiếu thứ nhất mà không sợ thất bại. Vì sự liên minh sẽ thực hiện trong vòng bầu phiếu thứ hai bằng tập quán rút lui của ứng cử viên yếu kém để nhường phiếu lại cho các chính đảng mạnh còn ở lại tranh cử.

- Mặt khác, làm cho các chính đảng dễ dàng đi đến sự phân hóa nội bộ để thành lập nhiều tân chính đảng với những khuynh hướng không mấy khác nhau. Vì lẽ, tâm lý chung khuynh hướng nào cũng muốn tránh nghiệm uy tín của mình trong vòng bầu phiếu thứ nhất và vì lẽ nếu muốn thắng cử các chính đảng chỉ cần kết hợp với nhau trong vòng bầu phiếu thứ hai là đủ.

Nói khác, vòng bầu phiếu thứ hai của thể thức đa số hai vòng có hai tác dụng tương phản :

- Phân tán dư luận trước và sau khi xảy ra cuộc bầu phiếu. Tác dụng này đưa đến sự thành lập chế độ đa đảng.

- Tập trung dư luận thành những khối lớn (để tranh cử) giữa hai vòng bầu phiếu thứ nhất và thứ hai. Tác dụng

này làm cho các chính đảng tùy thuộc lẫn nhau. Đó là xét về phương diện cơ chế.

**THU-VIỆN QUỐC-GIA**

Trong thực tế, người ta nhận thấy cũng có sự trùng hợp giữa thể thức đa số hai vòng và chế độ đa đảng.

Hầu hết các quốc gia áp dụng thể thức đa số hai vòng đều có chế độ đa đảng. Thí dụ ở Đức vào năm 1914 có đến 14 chính đảng và Pháp quốc dưới thời đệ tam Cộng Hòa, nghị viện cũng có đến 12 nhóm. Khuynh hướng đa đảng của thể thức đa số hai vòng như vậy rất rõ rệt.

Tuy nhiên, khuynh hướng này cũng bao hàm một vài ngoại lệ. Chẳng hạn, trường hợp Bỉ quốc trước năm 1894. Mặc dầu, áp dụng thể thức đa số hai vòng, Bỉ quốc lại có chế độ lưỡng đảng trong sinh hoạt chính trị.

**TIẾT 3**

**THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU ĐẠI DIỆN TỈ LỆ  
VÀ HẬU QUẢ ĐA ĐẢNG ĐỘC LẬP**

Theo giáo sư M. Duverger, ảnh hưởng của các chế độ đầu phiếu đối với chính đảng được diễn tả dưới hình thức 3 định luật xã hội học căn bản. Trong đó, định luật "đại-diện tỉ lệ có chiều hướng đưa đến chế độ đa đảng độc lập" cũng cần được cứu xét, sau khi chúng ta đã khảo sát hai định luật kia ở trên.

Đĩ nhiên, trước tiên chúng ta phải biết qua thế nào là đầu phiếu theo đại diện tỉ lệ? Nhiền hậu, mới có thể đề cập đến hậu quả chính trị của nó.

**MỤC A : THẾ NÀO LÀ ĐẦU PHIẾU THEO ĐẠI DIỆN TỈ LỆ.**

Đầu phiếu được xem là theo đại diện tỉ lệ khi nào số ghế trong đơn vị tuyển cử được chia cho các danh sách theo tỉ lệ số phiếu mỗi danh sách đạt được. Đầu phiếu đại diện tỉ lệ rất phức tạp, nhứt là trong vấn đề chia ghế cho các danh sách ứng cử.

THU VIỆN KHOA HỌC TỔNG HỢP

LVHC 505

Muốn hiểu rõ những phức tạp đó, xin theo dõi thí dụ cụ thể sau đây :

1.- Trong một đơn vị tuyển cử nhưt định :

- số ghế phải bầu là : 10 ghế
- Tổng số phiếu cử tri đã bỏ là : 200.000 phiếu
- Như vậy, số chia tuyển cử  $(\frac{\text{tổng số phiếu}}{\text{số ghế phải bầu}})$  sẽ

$$\text{là } \frac{200.000}{10} = 20.000.$$

2.- Giả dụ số phiếu mỗi danh sách đạt được là :

- A : 94.000 phiếu
- B : 42.000 -
- C : 38.000 -
- D : 26.000 -

3.- Số ghế mỗi danh sách sẽ như sau :

- Danh sách A : 4 ghế  $(\frac{94.000}{20.000})$  4
- Danh sách B : 2 ghế  $(\frac{42.000}{20.000})$  2
- Danh sách C : 1 ghế  $(\frac{38.000}{20.000})$  1
- Danh sách D : 1 ghế  $(\frac{26.000}{20.000})$  1

TỔNG CỘNG : 8 ghế

4.- Còn lại 2 ghế sẽ chia cho danh sách nào ?

Để giải quyết, người ta đưa ra 2 phương pháp : số dư lớn nhất và số trung bình lớn nhất.

a)- Phương pháp số dư lớn nhất : Theo phương pháp này số ghế còn lại sẽ được phân phối cho danh sách nào có số dư lớn nhất.

Áp dụng vào thí dụ trên, kết quả sẽ là :

- Danh sách A thêm được một ghế :  $4 + 1 = 5$  ghế
- Danh sách C thêm được 1 ghế :  $1 + 1 = 2$  ghế

vì hai danh sách này có số dư lớn nhất.

b)- Phương pháp số trung bình lớn nhất : Theo phương pháp này, người ta lần lượt phân phối từng ghế một còn lại cho mỗi danh sách và xem số trung bình của danh sách nào lớn nhất, danh sách đó sẽ được thêm 1 ghế kế tiếp.

Với ví dụ trên, đã có 8 ghế chia rồi, còn lại 2 ghế thứ 9 và thứ 10. Nếu đem phân phối ghế thứ 9 cho :

- danh sách A : A sẽ có 5 ghế với 94.000 phiếu :
  - Trung bình 18.800 phiếu/1 ghế
- danh sách B : B sẽ có 3 ghế với 42.000 phiếu :
  - Trung bình 14.000 phiếu/1 ghế
- danh sách C : C sẽ có 2 ghế với 38.000 phiếu
  - Trung bình 19.000 phiếu/1 ghế
- danh sách D : D sẽ có 2 ghế với 26.000 phiếu
  - trung bình 13.000 phiếu/1 ghế

Danh sách C được ghế thứ 9 vì có số trung bình cao nhất. Tương tự, phân chia ghế thứ 10 :

- Cho A TB : 18.800 phiếu
- Cho B TB : 14.000 phiếu
- Cho C TB : 12.667 phiếu (vừa được 2 ghế)
- Cho D TB : 13.000 phiếu

Danh sách A sẽ được ghế thứ 10 vì có số trung bình lớn nhất.

Kết quả cuối cùng với phương pháp số trung bình lớn nhất, chúng ta có :

A : 5 ghế, B : 2 ghế, C : 2 ghế và D: 1 ghế

Trước đây là thể thức đầu phiếu liên danh đại diện tỉ lệ (còn gọi là đầu phiếu đại diện tỉ lệ đơn giản).

Ngoài thể thức này, người ta nhận thấy còn có rất nhiều thể thức đầu phiếu khác phát sinh từ sự phối hợp giữa thể thức đại diện tỉ lệ và các thể thức khác như liên danh đa số, đơn danh, ... Thiết tưởng, không cần phải đi sâu vào chi tiết, bởi vì, vấn đề chúng ta ở đây là tìm hiểu ảnh hưởng về phương diện chánh trị - hay đúng hơn - tìm hiểu tác dụng đa đảng của mô thức đầu phiếu đại diện tỉ lệ nói chung.

MỤC B : TÁC DỤNG ĐA ĐẢNG ĐỘC LẬP CỦA THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU ĐẠI DIỆN TỶ LỆ.-

Theo định nghĩa, đầu phiếu đại diện tỉ lệ là đem chia số ghế của đơn vị tuyển cử cho các danh sách ứng cử theo tỉ lệ số phiếu mỗi danh sách đạt được. Cho nên, mọi xu hướng tôn giáo, chánh trị đều hy vọng có đại diện tại Quốc Hội. Nói khác đi, đầu phiếu theo đại diện tỉ lệ phản ánh thực sự thực trạng dư luận. Hệ luận tất nhiên của điều này là ly tán chánh đảng. Mỗi khuynh hướng, phe nhóm sẽ độc lập với nhau. Thật vậy, các chánh đảng vì tin tưởng rằng mình sẽ có một số đại diện tương xứng với số phiếu cử tri ủng hộ nên không lý do gì thúc đẩy họ phải kết hợp lại. Mặt khác, với thể thức đầu phiếu đại diện tỉ lệ, chắc chắn sẽ có hiện tượng các khuynh hướng, các hệ phái mới - vì biết rằng mình sẽ không bị tiêu diệt - sẽ đua nhau xuất hiện và cố giữ tính cách tự trị riêng biệt.

Tóm lại, đầu phiếu theo đại diện tỉ lệ có ba tác dụng về phương diện chánh trị :

- Duy trì tình trạng đa đảng hiện hữu.
- Tán trợ sự chia rẽ các chánh đảng hiện có
- Khuyến khích sự xuất hiện của những tân chánh đảng. Tác dụng sau cùng này không đúng hẳn tại các nước đã có nền dân chủ lâu đời, vì nó không đưa đến sự sinh sôi nảy nở số chánh đảng trong sinh hoạt chánh trị.

Đến đây, một cách khái quát, chúng tôi đã trình bày xong ảnh hưởng của các thể thức đầu phiếu đối với sự hình



thành của các chế độ đảng phái. Ngoài ảnh hưởng này, các thể thức đầu phiếu còn có tác dụng quan trọng trong sự kết hợp các chính đảng. Sau đây, chúng tôi xin đề cập đến.

\* \* \*

## ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU ĐỐI VỚI SỰ KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG

Như vừa nói, thể thức đầu phiếu có ảnh hưởng quan trọng trong vấn đề kết hợp chính đảng. Kết hợp ở đây bao gồm hai lãnh vực : trong nội bộ chính đảng và giữa các chính đảng. Vì vậy, phần trình bày của chương này bao gồm 2 mục :

- Mục A. - Ảnh hưởng của thể thức đầu phiếu đối với nội bộ mỗi chính đảng.
- Mục B. - Ảnh hưởng đối với liên minh các chính đảng.

### MỤC A. - ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU ĐỐI VỚI NỘI BỘ CHÍNH ĐẢNG. -

Đối chiếu tổ chức cơ cấu của các chính đảng tại các nước dân chủ trên thế giới, chúng ta nhận thấy có sự khác biệt nhau rõ rệt. Chẳng hạn, trong hiện đại, cơ cấu tổ chức các chính đảng Hoa Kỳ không có gì giống cơ cấu tổ chức các chính đảng tại Pháp. Cũng như, cơ cấu các chính đảng tại Anh quốc vào thế kỷ 19 và vào hiện nay cũng khá nhiều khác biệt.

Những khác biệt như vừa nêu, một phần có thể giải thích bằng các yếu tố riêng biệt của mỗi quốc gia, mỗi hoàn cảnh. Phần khác, có thể giải thích bằng yếu tố kỹ thuật là thể thức đầu phiếu. Tuy nhiên, nếu hệ thống đa số và thể thức đại diện tỉ lệ có ảnh hưởng đối với số các chính đảng thì ở đây, hai thể thức đơn danh và liên danh lại đóng vai trò quan trọng. Ngoài ra thể thức đa số hai vòng cũng có ảnh hưởng nhiều.

## ĐOẠN I. - ẢNH HƯỞNG CỦA ĐƠN DANH VÀ LIÊN DANH ĐẦU PHIẾU. -

### 1. - Thế nào là đơn danh và liên danh đầu phiếu ?

- Đầu phiếu được xem là đơn danh khi nào trong một đơn vị tuyển cử, cử tri chỉ có quyền bầu cho một ứng cử viên.
- Đầu phiếu liên danh có nghĩa là trong một đơn vị tuyển cử, cử tri có quyền bầu cho hai hay nhiều ứng cử viên. Đầu phiếu liên danh có hai loại. Loại thứ nhất ứng cử viên tranh cử rời rạc. Loại thứ hai, một danh sách ứng cử được thành lập tùy theo chính đảng hay nhóm có khuynh hướng chính trị khác nhau. Thí dụ : trong một đơn vị tuyển cử có ba ghế phải bầu thì mỗi danh sách phải ghi tên ba ứng cử viên Cử tri khi bỏ phiếu, tùy theo luật bầu cử của mỗi xứ, có thể có hai thái độ :

- hoặc bỏ cho cả danh sách một cách bắt buộc
- hoặc họ có quyền lựa chọn và gạch tên những người mà họ không muốn bầu và thay vào bằng tên ứng cử viên thuộc một danh sách khác.

Đơn danh hay liên danh đầu phiếu đều có những ưu, khuyết điểm. Nhưng, mục đích của chúng ta không phải là phân xét hay phân tách những ưu, khuyết điểm đó. Điểm chính yếu ở đây là tìm hiểu đơn danh đầu phiếu tác dụng đối với cơ cấu tổ chức các chính đảng như thế nào?

### 2. - Tác dụng của ĐƠN DANH và LIÊN DANH đầu phiếu đối với cơ cấu tổ chức mỗi chính đảng.

Một cách tổng quát, người ta cho rằng đầu phiếu liên danh cũng có cơ cấu tổ chức các chính đảng và đơn danh đầu phiếu có tác dụng ngược lại. Chúng ta xét xem nhận xét này có giá trị thế nào về phương diện lý thuyết cũng như trong thực tế ?

#### a. - Về phương diện lý thuyết :

- Thông thường, thể thức đơn danh đầu phiếu được áp dụng khi lãnh thổ được phân chia ra làm nhiều đơn vị tuyền cử nhỏ hẹp. Trong một đơn vị nhỏ, dĩ nhiên, cá nhân ứng cử viên đóng vai trò chủ yếu. Do đó, một dân biểu có thể củng cố địa vị của mình ở đơn vị tuyền cử và dần dà biến nó thành lãnh địa riêng mà không ai có thể truant quyền sở hữu của ông ta. (tất nhiên với điều kiện ông ta luôn luôn có uy tín ở đó). Nói khác đi, với thể thức đầu phiếu đơn danh, yếu tố quyết định sự tái đắc cử hay không của một dân biểu là uy tín cá nhân của ông ta chứ không phải là uy tín của chánh đảng mà ông ta là đảng viên.

Trường hợp điển hình có thể tìm thấy ở Pháp. Dưới thời độ tam cộng hòa, có nhiều dân biểu thay đổi đảng tịch luôn nhưng bao giờ cũng đắc cử.

Ngoài ra, với thể thức đầu phiếu đơn danh, phí tôn tranh cử rất hạ. Do đó, một ứng cử viên tài chánh - không dồi dào lắm cũng có thể ra tranh cử độc lập mà không phải nhờ một chánh đảng nào tài trợ. Điều này - khiến cho mối liên lạc giữa ứng cử viên với chánh đảng của mình ngày càng lỏng lẻo. Từ đó, đưa đến việc thành lập tại Quốc Hội những nhóm, khối không thuần nhất và nhất là đưa đến một cuộc tổ chức đầu phiếu rời rạc.

- Trái lại, với thể thức liên danh đầu phiếu - nhất là với hình thức danh sách - cuộc vận động tranh cử sẽ hướng về chánh đảng và khuynh hướng chánh trị hơn là chú ý đến vai trò cá nhân ứng cử viên. Nói khác, sự phán đoán của cử tri sẽ dựa trên các tiêu chuẩn chánh trị, ý tưởng, chánh sách hơn là uy tín riêng của ứng cử viên. Do đó, chánh đảng mà ứng cử viên là đảng viên cực kỳ quan trọng. Trong một đơn vị đầu phiếu to rộng, cử tri khó lòng biết rõ ngọn ngành về ứng cử viên, họ chỉ có thể xét đoán ứng cử viên qua màu sắc chánh trị của danh sách - nghĩa là của chánh đảng ứng cử viên là đảng viên - mà thôi. Như vậy sự chi phối của chánh đảng đối với đảng viên ứng cử rất rõ rệt.

Cho nên, với thể thức liên danh, người ta dễ đi đến việc thành lập những chính đảng cứng rắn và có kỷ luật. Đó là lý thuyết.

b.- Trong thực tế : Chúng ta có thể lấy trường hợp Pháp quốc trước và sau năm 1945 làm thí dụ cụ thể cho các nhận xét nói trên.

- Tại Pháp, cho đến năm 1945, thể thức đầu phiếu vẫn được áp dụng trong các cuộc tuyển cử là thể thức đơn danh. Nhưng từ năm 1945 về sau, thể thức liên danh được đem ra áp dụng. Sự cải cách chế độ đầu phiếu đã có kết quả biến đổi rõ rệt cơ cấu tổ chức của các chính đảng tại Pháp. Tổ chức lỏng lẻo và vô kỷ luật của các chính đảng thời độ tam cộng hòa đã nhường bước cho các chính đảng có một cơ cấu tổ chức cứng rắn và kỷ luật.

- Ngoài ra tại Bỉ quốc, liên danh đầu phiếu cũng đã có tác dụng đưa đến việc thành lập những chính đảng với một cơ cấu vững chắc.

Các trường hợp trên đây, khiến người ta xác nhận rằng liên danh đầu phiếu cũng có cơ cấu tổ chức các chính đảng và đơn danh đầu phiếu có tác dụng ngược lại. Tuy nhiên, đó chỉ mới là những trường hợp thường được đưa ra để bênh vực cho hai thể thức đơn danh và liên danh.

Thật ra, kinh nghiệm cho người ta thấy rằng mỗi thể thức không hẳn có những hậu quả đương nhiên như thế. Tùy truyền thống, tùy tình hình chính trị và trình độ giáo dục chính trị mỗi xứ, đơn danh cũng có thể đưa đến những cuộc tranh luận về chính sách và ngược lại, liên danh đưa đến những tranh giành cá nhân. Thí dụ tại Anh quốc - mặc dầu đầu phiếu đơn danh được áp dụng - các chính đảng vẫn có một cơ cấu vững chắc và một kỷ luật nghiêm minh.

**ĐOẠN II.- ẢNH HƯỞNG CỦA HAI THỂ THỨC ĐA SỐ ĐỐI VỚI CƠ CẤU MỖI CHÁNH ĐẢNG.-**

Đối với cơ cấu tổ chức các chính đảng, thể thức đầu phiếu theo đa số nói chung có hai tác dụng mâu thuẫn nhau rõ rệt :

- Thể thức đa số một vòng có khuynh hướng củng cố cơ cấu tổ chức các chính đảng.

- Thể thức đa số hai vòng có khuynh hướng trái lại làm lỏng lẻo guồng máy các chính đảng.

Trường hợp Pháp quốc trước 1939 và Bỉ trước năm 1900 minh chứng hai nhận xét trên :

1.- Tại Pháp trước năm 1939, sở dĩ cơ cấu tổ chức các chính đảng suy yếu và lỏng lẻo là vì đơn danh đầu phiếu phối hợp với thể thức đa số hai vòng trong các cuộc bầu cử. Riêng trong khoảng thời gian 1919 - 1928, liên danh đầu phiếu phối hợp với đa số một vòng đã đem lại cho các chính đảng một cơ cấu tổ chức nội bộ khá vững chắc.

2.- Tại Bỉ trước năm 1900, sở dĩ cơ cấu tổ chức của các chính đảng rất chặt chẽ là vì vòng đầu phiếu thứ hai tuy được dự liệu trong luật pháp nhưng đã không áp dụng trong thực tế.

**MỤC B.- ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU ĐỐI VỚI SU LIÊN MINH CÁC CHÁNH ĐẢNG.-**

Như đã đề cập ở trên, ảnh hưởng của các thể thức đầu phiếu rất là quan trọng đối với số lượng chính đảng xuất hiện trong nước. Số lượng chính đảng trong nước lại là yếu tố quyết định trong việc thành lập các liên minh chính đảng. Cho nên, gián tiếp, thể thức đầu phiếu đã ảnh hưởng đến các liên minh chính đảng. Nhưng các liên minh chính đảng thường có nhiều hình thái, nhiều mục độ

Vì vậy, trước khi đề cập đến ảnh hưởng của thể thức đầu phiếu tương cũng nên phân biệt các loại liên minh.

### ĐOẠN I. - CÁC LOẠI LIÊN MINH. -

Phân biệt các loại liên minh chính đảng là một việc khó khăn vì lẽ nó thuộc một phạm vi bao la và mơ hồ mà đặc tánh là sự biến chuyển không ngừng. Trong thực tế, người ta đã cố gắng đi đến hai cách phân loại sau đây :

- Cách thứ nhất : Phân biệt các nhóm liên kết làm thời và ngắn ngủi với các liên minh thật sự có tính cách vững bền và lâu dài.

Về phương diện thuần lý, cách phân loại này đúng. Nhưng khi áp dụng, người ta gặp khó khăn vì có nhiều liên minh cũng chóng tàn như các nhóm liên kết. Trái lại, cũng có nhiều nhóm liên kết không ngớt tái lập và trở thành các liên minh thật sự. Vì vậy, người ta theo cách phân loại thứ hai.

- Cách thứ hai : Phân biệt làm ba loại liên minh.

- \* liên minh trong các cuộc tranh cử
- \* liên minh quốc hội
- \* và liên minh chính phủ.

#### 1. - Liên minh tranh cử. -

Trong những cuộc tranh cử, người ta nhận thấy thường có những liên minh giữa các chính đảng :

- hoặc để đưa người ra ứng cử hay những danh sách ứng cử chung trong vòng đầu (nếu là đầu phiếu hai vòng). Sau đó, sẽ rút lui và nhường cho nhau ở vòng hai.

- hoặc để thoả thuận với nhau trong việc phân chia dự ngạch (nếu là đầu phiếu theo đại diện tỉ lệ).

2.- Liên minh quốc hội :

Trong nghị viện, các chính đảng cũng có thể liên minh với nhau để chống đối hoặc ủng hộ chính phủ. Lẽ tất nhiên, trong trường hợp này, chính phủ chỉ có thể thành lập với sự thoả thuận giữa các chính đảng (tức là có sự liên minh chính đảng).

3.- Liên minh chính phủ :

Đó là sự thoả thuận giữa các chính đảng với nhau nhằm mục đích đưa người thuộc các chính đảng khác nhau ra cam quyền.

ĐOẠN II.- ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC THỂ THỨC ĐẦU PHIẾU TRONG VIỆC THÀNH LẬP CÁC LIÊN MINH.-

Khảo sát các yếu tố đưa đến việc thành lập các liên minh, chúng ta nhận thấy ngoài chế độ đảng phái, truyền thống quốc gia, áp lực chính quyền, hoàn cảnh lịch sử,.... chế độ đầu phiếu mới đích thực là yếu tố quan trọng nhất. Ảnh hưởng của chế độ đầu phiếu - nói đúng hơn - ảnh hưởng của các thể thức đầu phiếu trong việc hình thành các liên minh rất rõ rệt và người ta có thể tóm tắt ảnh hưởng đó trong 3 công thức sau đây :

- Đa số hai vòng đưa đến việc thành lập các liên minh chặt chẽ.
- đại diện tỉ lệ đưa đến sự biệt lập giữa các chính đảng.
- đa số một vòng có tác dụng khác nhau tùy số các chính đảng trong nước.

1.- Ảnh hưởng của thể thức ĐA SỐ HAI VÒNG :

Đầu phiếu theo đa số hai vòng đưa đến sự thành lập



các liên minh chặt chẽ. Thật vậy, cơ chế của thể thức khiến cho những chính đảng ít hy vọng thắng cử phải - nhường bước cho những chính đảng nhiều thực lực và cùng khuynh hướng : trong vòng đầu phiếu thứ hai, các chính đảng yếu kém sẽ rút lui. Ở Pháp, người ta phân biệt hai trường hợp rút lui : rút lui đơn thuần và rút lui yêu cầu cử tri bỏ phiếu cho ứng cử viên liên kết. Giữa hai trường hợp này, còn rất nhiều cách rút lui khác và nhiều mức độ yêu cầu cử tri dồn phiếu - cho ứng viên liên kết. Tuy nhiên, có điều chắc chắn trước khi cuộc đầu phiếu bắt đầu, các ứng cử viên có khuynh hướng tương tự đã thoả thuận với nhau về việc rút lui và nhường phiếu trong vòng đầu phiếu thứ hai. Do đó có sự liên minh giữa các chính đảng. Thực tế đã chứng minh điều đó. Tại các quốc gia mà thể thức đầu phiếu theo đa số hai vòng được áp dụng, các liên minh trong giai đoạn tranh cử đã xuất hiện. Đó là - trường hợp liên minh nổi tiếng do BISMARCK thành lập ở Đức trong các cuộc đầu phiếu năm 1887.

Tại Pháp, trong khoảng thời gian rất dài, thể thức đầu phiếu đa số hai vòng được áp dụng, ta thấy khá nhiều liên minh được thành lập : khối các đảng thuộc tả phái năm 1902, liên minh các chính đảng thuộc tả phái năm 1928 và 1932,...

## 2.- Ảnh hưởng của thể thức đại diện tỉ lệ :

Theo nguyên tắc, đại diện tỉ lệ không đưa đến các liên minh trong giai đoạn tranh cử vì chính đảng nào cũng hy vọng được một số ghế trong quốc hội. Tuy nhiên, vì nó thường khiến cho một chính đảng khó có đa số tuyệt đối nên nó là nguyên nhân của các liên minh trong chính phủ. Nói khác đại diện tỉ lệ khiến các chính đảng hoàn toàn biệt lập trong giai đoạn tranh cử và cộng tác khi cầm quyền. Trong thực tế, thể thức đại diện tỉ lệ ít khi được áp dụng toàn vẹn, nên khuynh hướng biệt lập nói trên có vài ngoại lệ, khiến các chính đảng lớn có ưu thế hơn những chính đảng nhỏ. Vì vậy, các chính đảng nhỏ cần liên minh để thành lập

danh sách chung hoặc liên kết trong việc phân chia dư ngạch. (1)

3.- Ảnh hưởng của ĐA SỐ MỘT VÒNG :

Theo nguyên tắc đa số một vòng đưa đến chế độ lưỡng đảng. Tuy nhiên, nó cũng có thể song hành với đa đảng. Vì vậy, về phương diện kết hợp chính đảng, thể thức đa số một vòng có hai tác dụng khác nhau :

a.- Với chế độ lưỡng đảng :

Trong trường hợp lưỡng đảng trùng hợp với thể thức đa số một vòng, không thể nào có một quan niệm liên minh giữa hai chính đảng trong giai đoạn tranh cử được. Bởi vì, nếu hai chính đảng liên minh với nhau thì chỉ còn có một ứng cử viên duy nhất. Cuộc đấu phiếu sẽ được màu sắc một cuộc trưng cầu dân ý.

b.- Với chế độ đa đảng.-

Nếu đa số một vòng trùng hợp với đa đảng thì thể thức này sẽ đưa đến việc thành lập những liên minh chặt chẽ, vững chắc. Lý do của sự vững chắc này là các chính đảng cần phân chia cho nhau những đơn vị đầu phiếu trước khi cuộc bầu cử xảy ra để cho cử tri đơn phiếu cho ứng cử viên duy nhất của liên minh. Điều này cần có một sự thỏa thuận trọn vẹn hơn là trường hợp có đầu phiếu hai vòng.

Tuy nhiên, tương cũng cần nhấn mạnh là với chế độ đa đảng và theo thể thức đa số một vòng, các liên minh rất khó thực hiện, nhưng một khi đã thực hiện xong

---

(1) Xem Lê Công Truyền - lược khảo về mối tương quan giữa các thể thức đầu phiếu và sự thành lập các chính đảng - Tập san Nghiên Cứu Hành Chính - Tháng 1 và 2 năm 1962.

nó đòi hỏi một sự cộng tác sâu rộng giữa các chính đảng - liên minh. Bởi vì, áp lực của thế thức đầu phiếu rất mạnh, nếu các chính đảng nhỏ không chịu liên kết hay liên kết không chặt chẽ chắc chắn sẽ bị loại ra khỏi chính trường cho đến khi chế độ lưỡng đảng tái lập.

Tóm lại, qua những điều đã trình bày, chúng ta nhận thấy thế thức đầu phiếu có vai trò vô cùng quan trọng trong sinh hoạt chính trị tại các nước dân chủ. Quan trọng vì chính đảng là động cơ chính yếu của guồng máy dân chủ mà thế thức đầu phiếu lại có ảnh hưởng - không những trong việc thành lập - mà còn trong việc liên minh các chính đảng với nhau.

Nhưng, như chúng ta đã biết, tương quan giữa thế thức đầu phiếu và chế độ đảng phái là một tương quan xã hội học. Cho nên, một chế độ đầu phiếu nào đó không nhất thiết phải đưa đến một chế độ đảng phái nhất định nào đó. Áp dụng thế thức đa số một vòng chưa chắc chế độ lưỡng đảng xuất hiện. Cũng như, nếu ta áp dụng thế thức đa số danh đầu phiếu chưa chắc tổ chức nội bộ các chính đảng sẽ lỏng lẻo.

Rốt cuộc, thế thức đầu phiếu chỉ đóng vai trò một bàn nhân ga hay một bàn thắng mà thôi



PHẠO HỒ

**TỔ CHỨC BẦU CỬ VÀ KẾT HỢP  
CHÁNH ĐẢNG TẠI VIỆT NAM**



rên đây, chúng tôi đã có dịp trình bày sơ lược đầu là ảnh hưởng của các thể thức đầu phiếu đối với số lượng các chính đảng xuất hiện trong một nước, cũng như đầu là ảnh hưởng của các thể thức đầu phiếu đối với sự thành lập các liên minh chính đảng. Nhưng, tất cả đều đóng khung trong những quốc gia đã có nền sinh hoạt chính trị dân chủ lâu dài.

Riêng tại Việt Nam, tương quan giữa các thể thức đầu phiếu và các chính đảng như thế nào ?

- Một cách tổng quát, dưới thời đệ I Cộng hòa, vấn đề không được đặt ra vì trong nước không có sinh hoạt chính trị dân chủ thực sự.

- Còn dưới thời đệ II Cộng hòa, vấn đề tuy có được đặt ra ngay từ khi Tổng thống Nguyễn văn Thiệu lên nhậm chức, nhưng ảnh hưởng của các thể thức đầu phiếu đối với các chính đảng đã bị tình trạng sinh hoạt chính trị đặc biệt của nước nhà hiện tại làm mất đi tác dụng thông thường. Tình trạng sinh hoạt chính trị đặc biệt này là gì ?

Muốn đi tìm một giải đáp thỏa đáng, thiết tưởng cần tóm lược qua từ thời đệ I Cộng hòa đến nay. Trong đó, chúng ta thử chú ý xem mối tương quan giữa các thể thức đầu phiếu và các chính đảng ra sao ? Nhiên hậu, mới có thể tìm hiểu đầu là đường lối kết hợp đảng phái của Việt Nam Cộng Hòa - hiện tại ?

Đặt vấn đề như vậy, chúng tôi xin chia phần trình bày ở đây làm hai chương :

- Chương I. - Tương quan giữa TỔ CHỨC BẦU CỬ và KẾT-HỢP CHÁNH ĐẢNG tại Việt Nam Cộng Hòa (từ thời đệ I Cộng Hòa đến nay).
- Chương II. - Đường lối KẾT HỢP CHÁNH ĐẢNG của Việt Nam Cộng Hòa hiện tại.

\*  
\*  
\*

## Chương Một

### TƯƠNG QUAN GIỮA TỔ CHỨC BẦU CỬ VÀ KẾT HỢP CHÁNH ĐẢNG TẠI VIỆT NAM CỘNG HÒA (TỪ THỜI ĐỆ I CỘNG HÒA ĐẾN NAY)

Dưới tiêu đề này, chúng tôi không dám có tham vọng trình bày tất cả mọi khía cạnh của các vấn đề tổ chức bầu cử và kết hợp đảng phái từ thời đệ I Cộng Hòa đến nay. Chủ ý của chúng tôi ở đây chỉ là tìm hiểu xem trong các cuộc bầu cử đã qua, các thể thức đầu phiếu nào đã được đem ra áp dụng. Tương quan giữa các thể thức đó với sự kết hợp - chính đảng ra sao ?

Để khảo cứu hai chủ điểm này theo đúng thứ tự thời gian, chúng tôi sẽ lần lượt đề cập đến :

- Tiết 1 : Tổ chức bầu cử và Kết hợp chính đảng dưới thời đệ I Cộng Hòa.
- Tiết 2 .- Tổ chức bầu cử và kết hợp chính đảng dưới thời đệ II Cộng Hòa (cho đến ngày nay)

#### TIẾT I.

#### TỔ CHỨC BẦU CỬ VÀ KẾT HỢP CHÁNH ĐẢNG DƯỚI THỜI ĐỆ I CỘNG HÒA.

Như đã trình bày ở trên, dưới thời đệ nhất Cộng Hòa, vì sinh hoạt chính trị dân chủ bị hạn chế hay nói đúng hơn vì các chính đảng không được phép hoạt động tự do, cho nên các cuộc bầu cử chỉ có tính cách hình thức mà thôi. Thể thức đầu phiếu do đó cũng chỉ là một kỹ thuật dùng để ấn

định sự trúng cử, ấn định địa giới mỗi đơn vị tuyển cử và số đại diện mỗi đơn vị được bầu cử, không hơn không kém. Nói rõ hơn, về phương diện chánh trị, mặc dầu thể thức đầu phiếu đa số một vòng được áp dụng trong các cuộc bầu cử, nhưng tác động hội nhập chánh trị của thể thức này không bao giờ thể hiện được. Dưới áp lực tiêu diệt đối lập của chánh quyền, các nhóm chánh trị xuất hiện :

- Hoặc đã lần lượt bị loại trừ nếu không hợp tác với chánh quyền.
- Hoặc đã bị sáp nhập vào hệ thống đảng chánh quyền (đảng Cần Lao Nhân Vị).

Đó là chưa kể chủ tâm của chánh quyền áp dụng thể thức đơn danh đầu phiếu trong các cuộc bầu cử Quốc Hội, nhằm làm cho lực lượng các chánh đảng (nếu còn) ngày càng yếu đi để cuối cùng biến mất trên chánh trường.

Hậu quả của chủ trương loại trừ các đoàn thể, các lực lượng chánh trị độc lập của nhà cầm quyền (thời đệ I Công Hoà) là từ những năm 1958, 1959 trở đi, trên chánh trường - miền Nam, chúng ta chỉ còn thấy có hai lực lượng chánh trị là "Phong trào Cách Mạng Quốc Gia" và Đảng "Cần Lao Nhân Vị".

Thoạt xem người ta làm tưởng đó là một hệ thống lưỡng đảng mới thành hình, nhưng trên thực tế "Phong Trào Cách-Mạng Quốc Gia" chỉ là một cơ cấu của đảng Cần Lao Nhân Vị mà thôi. Thật vậy, "Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia" được tổ chức như một cơ cấu nổi bật nặng tính cách quân chủng nên từ thành thị đến thôn quê, đâu đâu cũng có trụ sở hoạt động của phong trào. Đảng Cần Lao Nhân Vị, trái lại, là một tổ chức chìm, qui tụ các phần tử trung kiên của chế độ, đảng viên đảng Cần Lao chiếm những địa vị then chốt trong chánh quyền, trong Quân đội, trong guồng máy hành chánh, tại Quốc Hội cũng như trên thương trường.

Ngoài ra, để hỗ trợ cho đảng Cần Lao Nhân Vị, người ta



còn thấy các tổ chức ngoại vi khác như Đoàn Thanh Niên Cộng Hòa, Hội Phụ Nữ Liên Đới, Hiệp Hội Nông Dân, Nghiệp Đoàn Công Nhân..., Tất cả đều là những tổ chức do Chánh quyền chi phối và dùng làm hậu thuẫn trong việc cai trị.

Nhưng, cuộc Cách Mạng ngày 1.11.1963 đã bùng nổ kịp thời, chấm dứt giai đoạn độc tài và độc đảng nói trên, để mở màn cho một giai đoạn lịch sử mới, trong đó, vai trò của chánh đảng lại trở nên vô cùng quan trọng.

## TIẾT II

### TỔ CHỨC BẦU CỬ VÀ KẾT HỢP CHÁNH ĐẢNG (từ sau Cách Mạng 1.11.63 đến nay)

Sau ngày cách mạng 1.11.1963, chánh trường Việt Nam trở nên vô cùng sôi động. Về phía đảng phái, bên cạnh các chánh đảng kỳ cựu, có thành tích đấu tranh, người ta nhận thấy xuất hiện nhiều lực lượng chánh trị mới mà tình trạng pháp lý và thực tế của các lực lượng này rất phức tạp (a)

Về phía chánh quyền cũng thế, Việt Nam Cộng Hòa đã sáu phen thay đổi chánh phủ lần lượt thí nghiệm các giải pháp chuyên viên, giải pháp Liên Hiệp, quân sự, Chánh Khách,... cho đến tháng 4 năm 1966 Trung Tướng Nguyễn văn Thiệu, Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia thời bấy giờ mới quyết định triệu tập một Quốc Hội Lập hiến.

Sau hơn 6 tháng hoạt động, Quốc Hội Lập Hiến đã biểu quyết chấp thuận một bản Hiến pháp được long trọng ban hành ngày 1.4.1967 làm nền tảng cho nền đệ II Cộng Hòa hiện tại. Nhiều cuộc bầu cử đã được tổ chức từ ấy đến nay để thiết lập các định chế

---

(a) Xem Nguyễn Kim Khánh-vấn đề chánh đảng - tại Việt-Nam - Luận văn tốt nghiệp Cao Học Hành Chánh trang 28 Saigon (1965-1967).

chính yếu trừ liệu trong Hiến Pháp (1) như các cuộc bầu cử Tổng thống và Phó Tổng Thống, Thượng Nghị Viện và Hạ Nghị Viện,...

Nói chung, các cuộc bầu cử này đã thành công mỹ mãn về phía chính quyền (tổ chức chu đáo, cử tri tham gia đông đảo...). Nhưng khách quan mà nói, về phía đảng phái đã thất bại, mặc dầu các thể thức đầu phiếu đã khuyến khích rất nhiều về sự kết hợp chính đảng. Tuy nhiên, trước khi tìm hiểu đầu là những khuyến khích đó của các thể thức đầu phiếu, cũng như đầu là nguyên nhân thất bại của các chính đảng, tương cũng cần biết qua các cuộc bầu cử nói trên đã diễn ra như thế nào ?

#### MỤC A. - SƠ LƯỢC CÁC CUỘC BẦU CỬ ĐÃ QUA :

##### 1. - Cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến ngày 11.9.1966. -

Cuộc bầu cử Quốc hội Lập Hiến xảy ra vào ngày 11.9.66 theo điều kiện và thể thức qui định tại Sắc luật số 22/66 ngày 19.6.1966 và các văn kiện kế tiếp. Khoảng 90% cử tri ghi tên đã bầu 117 dân biểu theo lối phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và kín cho các dân biểu Việt và Việt gốc Miên và theo lối đầu phiếu gián tiếp cho các dân biểu Thượng Chàm và Thượng du Bắc Việt.

Về thể thức đầu phiếu, theo sắc luật số 22/66 ngày 19.6.1966 ấn định thể thức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, tại chương III điều 12 đoạn 7 : "... thể thức ứng cử đơn danh được áp dụng tại những đơn vị bầu cử có ghế dân biểu duy nhất cho các ứng cử viên người Việt gốc Miên và tại những đơn vị có hai ghế dân biểu mà một danh cho đồng bào Việt gốc Miên. Trong những trường hợp kể trên, các ứng cử viên sẽ ứng cử biệt lập..."

(1) Xem Giáo Sư Nguyễn Văn Tường - Giảng văn chính trị học - Học Viện Quốc Gia Hành Chánh niên khóa 1968-1969.

"... Thế thức ứng cử liên danh sẽ được áp dụng tại những đơn vị khác. Mỗi liên danh phải gồm đủ số ứng cử viên bằng số ghế dàn biểu của đơn vị".

Cũng theo sắc luật dân thượng, tại chương V :

- Điều 28 : "Dân biểu Quốc Hội Lập Hiến được bầu theo một trong hai thể thức sau đây :

- 1.- Trong các trường hợp bầu cử đơn danh : bầu một vòng với đa số tương đối.
- 2.- Trong trường hợp bầu cử liên danh : theo đại diện tỉ lệ và áp dụng qui tắc thừa số lớn nhất, không tạp tuyến, không ưu tuyến".

- Điều 29. - "... Dấu hiệu các đoàn thể chánh trị được chấp nhận trừ trường hợp có sự khiếu nại của ban chấp hành trung ương của đoàn thể. -

Nói tóm lại, thể thức liên danh đầu phiếu và đại diện tỉ lệ được áp dụng cho các đơn vị bầu từ hai ghế trở lên và thể thức đơn danh đầu phiếu theo đa số một vòng áp dụng cho các đơn vị bầu ghế duy nhất.

## 2.- Cuộc Bầu cử TỔNG THỐNG và PHÓ TỔNG THỐNG. -

Đây là cuộc bầu cử quan trọng nhất sau khi Hiến Pháp được ban hành, tổ chức vào ngày 3.9.1967 giữa lúc chiến tranh chống Cộng đang hồi ác liệt.

Cuộc bầu cử đã diễn ra theo các điều kiện và thể thức ấn định bởi Hiến Pháp và luật số 1/67 ngày 15.6.1967 và các văn kiện kế tiếp.

Thể thức liên danh đầu phiếu, đa số một vòng thăm, trực tiếp và kín đã được áp dụng trong cuộc bầu cử. Có tất cả 11 liên danh ứng cử gồm nhiều nhân vật tiếng tăm trong nước.

Kết quả cuộc bầu cử cũng như danh sách ứng cử viên đều do Quốc Hội duyệt xét và công bố. Khoảng 83% cử tri đã ghi tên đi bầu và liên danh của Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu và Thiếu Tướng Nguyễn Cao-Kỳ được tuyên bố đắc cử với 1.216.390 phiếu (35% phiếu hợp lệ).

### 3.- Cuộc Bầu Cử Thượng Nghị Viện :

Cuộc bầu cử Thượng Nghị Viện xảy ra vào ngày 3.9.67 (cùng ngày với cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống), theo các điều kiện và thể thức ấn định bởi Hiến Pháp và luật số 2/67 ngày 15.6.1967 cùng các văn kiện kế tiếp. Thể thức liên danh đầu phiếu, đa số một vòng thăm không tập tuyền, không ưu tuyền, mỗi liên danh gồm 10 ứng cử viên đã được áp dụng cho cuộc bầu cử. Khoảng 83,7% cử tri ghi tên đã đi bầu 60 nghị sĩ Thượng Nghị Viện (6 liên danh trong số 48 liên danh ra tranh cử) theo lối phổ thông đầu phiếu) trực tiếp và kín.

Danh sách ứng cử viên cũng như kết quả cuộc bầu cử đều do Hội Đồng Tuyền Cử Trung Ương duyệt xét và công bố. Vì số liên danh quá nhiều (48/6) nên sáu liên danh đầu đầu, tuy được đắc cử, chỉ thâu một số phiếu rất khiêm tốn (liên danh đầu đầu là liên danh Nông Công Binh chỉ đạt được

$\frac{980.474}{21.884.602} = 4,5\%$  số phiếu hợp lệ)

### 4.- Cuộc Bầu cử HẠ NGHỊ VIỆN. -

Được tổ chức ngày 22.10.1967 theo những điều kiện- ấn định bởi Hiến Pháp và luật số 4/67 ngày 07.8.1967 : phổ thông đầu phiếu, trực tiếp và kín theo thể thức đơn danh, trong từng đơn vị lớn nhất là tỉnh, với một số ghế dành riêng cho đồng bào thiểu số. Có tất cả 1235 ứng cử viên - trên danh sách niêm yết lần thứ hai ra tranh 137 ghế dân biểu.

Tóm lại, trong hai năm 1966 và 1967, ngoài các cuộc bầu cử XÃ ẤP, có tất cả 4 cuộc bầu cử các định chế quan

trọng đã xảy ra. Mỗi cuộc bầu cử đã áp dụng một thể thức đầu phiếu riêng :

- Ở cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến : thể thức liên danh đầu phiếu theo đại diện tỉ lệ được áp dụng bên cạnh thể thức đơn danh đầu phiếu theo đa số một vòng thăm.

- Ở cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống : thể thức liên danh đầu phiếu theo đa số một vòng thăm được áp dụng.

- Ở cuộc bầu cử Thượng Nghị Viện : liên danh đầu phiếu theo đa số một vòng thăm.

- Ở cuộc bầu cử Hạ Nghị Viện : đơn danh đầu phiếu theo đa số một vòng thăm.

Những vấn đề quan trọng được đặt ra là trong mỗi cuộc bầu cử với thể thức đầu phiếu áp dụng, các chính đảng đã chịu ảnh hưởng gì và ngược lại ? Câu trả lời là trọng tâm của mục B sau đây :

## MỤC B.- TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC CUỘC BẦU CỬ ĐÃ QUA VÀ SỰ KẾT HỢP CHÍNH ĐẢNG.-

### ĐOẠN I.- CUỘC BẦU CỬ QUỐC HỘI LẬP HIẾN VÀ CHÍNH ĐẢNG.-

Khảo sát cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến về phương diện chính trị, người ta nhận thấy :

1.- Về thành phần ứng cử viên : Theo tài liệu của Phủ Đặc Ủy Hành Chánh thì thành phần các ứng cử viên dân Quốc Hội Lập Hiến được phân chia như sau : trong tổng số 531 ứng cử viên cả Kinh lẫn Thượng, ngoài 130 ứng cử viên đơn danh độc lập, người ta nhận thấy có 212 liên danh ứng cử . Trong đó, có 4 liên danh ứng cử với tư cách đảng phái theo thống kê sau đây :

Số ứng cử viên	Số liên danh thành phần liên danh	Số ứng cử viên liên danh	Số ứng cử viên đơn danh
531	212 Trong đó : - 1 L.D. của V.N.Q.D.Đ. - 1 L.D. của Hoà Hảo - 1 L.D. Liên Hiệp H.H+C.Đ - 1 L.D. Cựu chiến sĩ (tức là 4,13% trên tổng số liên danh)	401 (74,26%) chia ra - Nam : 383 - Nữ : 18	130 (25,74%) - ứng viên Thượng : 28 (4 nhóm Fulro) - chàm : 2 - T.D.B.V.D.C : 4

2.- Về thành phần chánh trị của các DÂN BIỂU :

Trong số 117 vị dân biểu đắc cử, nếu nhìn lại tư cách ứng cử của các vị ấy trước ngày đầu phiếu, chúng ta thấy có :

- 93 vị ứng cử với tư cách ĐỘC LẬP
- 13 vị ứng cử với tư cách CÁ NHÂN
- 2 vị ứng cử với tư cách VIỆT QUỐC
- 7 vị ứng cử với tư cách GIÁO PHÁI (HÒA HẢO CAO ĐÀI)
- 2 vị ứng cử với tư cách ĐẠI DIỆN FULRO.

Tư cách ĐỘC LẬP và tư cách CÁ NHÂN khác nhau ở chỗ nào ? Rất khó trả lời. Nếu không có gì trở ngại, cho rằng ĐỘC LẬP và CÁ NHÂN là một, chúng ta có thể kết luận rằng vấn đề chính kiến, vấn đề chánh đảng, tóm lại vấn đề chánh trị tuân tuý cố ý bị lãng quên để nhường bước cho uy tín và cảm tình cá nhân.

Những con số nêu trên cho phép chúng ta kết luận rằng các chính đảng đã thất bại trong vấn đề thống nhất nội bộ và liên minh với nhau trước cuộc tuyển cử cũng như trong cuộc bầu cử.

Mặc dầu thế thức liên danh đầu phiếu đa số một vòng thăm áp dụng trong cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống là một thế thức đầu phiếu - theo nguyên tắc - có tác dụng hội nhập chính trị. Nhưng, thực tế, các chính đảng lớn đã không qui tụ nổi tất cả các đảng viên của họ saulung lãnh tụ Đảng - trong cuộc chạy đua vào Dinh Độc Lập. Tại sao ?

Theo luật sư Trần Văn Tuyên trong bài "Vài ý nghĩ về cuộc bầu cử ngày 3.9" thì "... vì các đảng phái tổ chức không được chu đáo và sâu rộng trong đại chúng, phương tiện hoạt động lại ít ỏi" (Chính Luận ngày 16.9.1967).

Ngoài ra, khi bàn về tương quan giữa các thế thức đầu phiếu đối với chính đảng, chúng cũng không nên quên vai trò quan trọng của các lực lượng tôn giáo. Vì tại Việt Nam, các lực lượng này có thể xem như là các chính đảng về phương diện tuyển cử. Nhưng, trong cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống vừa qua, nói chung thái độ của các lực lượng trên là dè dặt. Không một lực lượng nào công khai đưa người ra tranh cử hay ủng hộ công khai một liên danh nào. Ngoại trừ hai lực lượng - Phật giáo Việt Nam Quốc Tự và Công Giáo có kêu gọi các tín đồ nên tham gia cuộc bầu cử, hai hệ phái Cao Đài Tây Ninh và Thống Nhất Trung Ương có bất đồng ý kiến với nhau về vai trò của Ông Phan-Khắc Sửu đối với đạo giáo, các lực lượng giáo phái khác đều tỏ ra có thái độ "im lặng và chờ xem".

### ĐOẠN III. - CUỘC BẦU CỬ THƯỢNG NGHỊ VIỆN VỚI THẾ THỨC ĐẦU PHIẾU LIÊN DANH HỢP TUYỂN VÀ CÁC CHÍNH ĐẢNG. -

Như chúng ta đã biết, cuộc bầu cử Thượng Nghị Viện pháp nhiệm I đã xảy ra vào ngày 3.9.1967 cùng ngày với cuộc bầu cử Tổng Thống và Phó Tổng Thống, thế thức đầu phiếu được áp dụng trong cuộc bầu cử này là thế thức liên danh đa số một vòng

thăm, không tập tuyền, không ưu tuyền. Theo nguyên tắc, thể thức đầu phiếu này có tác dụng hội nhập chánh trị để tiến đến hệ thống lưỡng đảng.

Trong thực tế, vấn đề không giản dị như vậy. Nếu thể thức đầu phiếu có tác dụng đối với sinh hoạt chánh trị thì ngược lại, tình trạng sinh hoạt chánh trị mỗi quốc gia cũng có ảnh hưởng đến tác dụng của thể thức đầu phiếu. Nói khác, giữa thể thức đầu phiếu và sinh hoạt chánh trị có ảnh hưởng hỗ tương.

Vì vậy, khi phân tách thể thức đầu phiếu liên danh đa số một vòng thăm trong cuộc bầu cử Thượng Nghị Viện, ta sẽ xét về hai phương diện : tác dụng của thể thức đầu phiếu đối với sinh hoạt chánh trị và ngược lại, tác dụng của sinh hoạt chánh trị đối với thể thức đầu phiếu.

1.- Tác dụng của thể thức đầu phiếu liên danh đa số một vòng thăm đối với sinh hoạt chánh trị.-

Tác dụng hội nhập chánh trị của thể thức liên danh hợp tuyền trong cuộc bầu cử Thượng Nghị Viện được nhìn thấy qua sự xuất hiện của các liên minh tranh cử, sự liên kết giữa các liên danh và hiện tượng thắng cử rõ rệt của các liên danh công giáo.

a.- Các liên minh.-

Hiện tượng liên minh rất thông dụng trong cuộc bầu cử Thượng Nghị Viện. Có thể nói hầu hết các liên danh trong cuộc bầu cử này đều là những liên minh. Có điểm cần nhận mạnh là, vì hoàn cảnh chánh trị quá phân hóa, nên các liên minh ở đây hầu như đa số là những liên minh tạm thời thiết lập vì nhu cầu tranh cử hơn là vì có những chương trình làm việc dài hạn chung.

Xin đơn cử ra đây những liên minh chính :

- Liên minh TOÀN VIỆT : Một số nhân sĩ thuộc hai -



- Liên danh "Đại đoàn kết" do Ông Nguyễn gia Hiến thụ ủy.
- Liên danh "Trời Việt" do Ông Huỳnh văn Cao thụ ủy.
- và Liên danh "Đoàn Kết để Tiến Bộ" do Ông Trần văn Lắm Thụ Ủy.

Với quá bán nghị sĩ là người Công giáo, Thượng Nghị Viện ở trong tình trạng thất quan bình chánh trị. Gọi là thất quan - bình vì với thành phần như trên, Thượng Nghị Viện không làm sao đạt được mục tiêu hội nhập chánh trị, kết hợp chánh đảng thành hai, ba khối lớn mà thể thức đầu phiếu liên danh đaso một vòng-mong muốn.

Tại sao các liên danh công giáo chiếm được đa số trong Thượng Nghị Viện, trong khi giáo dân của tôn giáo này chỉ chiếm thiểu số cử tri ?

Ngoài các nguyên nhân liên hệ đến tổ chức hoàn bị của Giáo hội Công Giáo Việt Nam, tinh thần đoàn kết và kỷ luật của giáo dân Công giáo, còn có một nguyên nhân khác không kém quan trọng. Đó là thể thức đầu phiếu liên danh hợp tuyền không hạn chế. Thể thức đầu phiếu này đã khiến các liên danh Công giáo - phối hợp với các ưu điểm kể trên - thắng cử dễ dàng.

Trong Thượng Nghị Viện nhiệm kỳ I, ngoại trừ một liên danh của liên minh Đại Việt Cách Mạng và Cao Đài (liên danh Nguyễn Ngọc Kỳ), ta không thấy sự hiện diện rõ ràng của một-chánh đảng nào khác. Sự mất quân bình trong thành phần này của Thượng Nghị Viện, hình như, có liênquan ít nhiều đến những bất ổn cố chánh trị sau này ?

Đến đây, chúng ta đã thấy qua đầu là hậu quả thực tế của thể thức đầu phiếu. Nhưng muốn hiểu vì sao thể thức đầu phiếu đã áp dụng không hội nhập được các chánh đảng, các đoàn thể áp lực ngoại công giáo, ta cần phải lưu ý đến tác dụng bất lợi của sinh hoạt chánh trị Việt Nam đối với thể thức đầu phiếu trong mùa tuyền cử tháng 9/1967.

2. - Tác dụng của sinh hoạt chính trị đối với thể thức đầu phiếu liên danh hợp tuyền :

Như ở trên đã nói, thành phần Thượng Nghị Viện ngoài hai liên danh Nguyễn Ngọc Kỳ (thuộc liên minh Đại Việt Cách - Mạng và Cao Đài) và Trần Văn Đôn (thuộc Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam), bốn liên danh còn lại là của Công giáo. Không một liên danh nào của các chính đảng khác. Tại sao các chính đảng lại vắng bóng trong Thượng Nghị Viện như vậy ? Có nhiều nguyên do ; trong đó tình trạng phân hóa của các chính đảng, sự khủng hoảng lãnh tụ của các chính đảng và sự lạm phát liên danh ứng cử là ba nguyên nhân chính yếu bên cạnh yếu tố Kỹ thuật là thể thức đầu phiếu không hạn chế như chúng ta đã xét qua.

a. - Sự phân hóa của các chính đảng :

Đối với các chính đảng, thể thức đầu phiếu liên danh hợp tuyền chỉ có hiệu quả là củng cố tạm thời nội bộ trong từng hệ phái hoặc tạo được sự liên minh tạm thời giữa một vài hệ phái với một chính đảng hay đoàn thể áp lực khác, mà không đem lại sự thống nhất các hệ phái. Lý do : sự phân hóa trầm trọng của các chính đảng. Thật vậy, số dĩ đa số các đảng phái từ xưa đến nay tỏ ra bất lực là vì sự tranh chấp nội bộ liên miên. Các hệ phái trong mỗi chính đảng tự phá hoại lẫn nhau chứ chưa nói đến những phe phái khác với sự hiện diện của quân thù. Kịp đến khi các cuộc bầu cử xảy ra, mặc dầu ý thức được sự tai hại của tình trạng phân hóa, các cấp bộ trong mỗi chính đảng đã nghĩ đến việc tái thống nhất hàng ngũ đảng. Nhưng sự thiếu cởi mở giữa các dòng chí với nhau đã gây nên sự khó khăn óc lãnh tụ, sự bài bác về đường lối đã đào sâu hố ngăn cách.

Ví dụ : trường hợp Việt Nam Quốc Dân Đảng. Trong suốt thời gian tuyền cử Thượng Nghị Viện, vì không thống nhất được nội bộ, các hệ phái đã tự đưa ra những liên danh riêng rẽ. Tổng số các liên danh được xem là có màu sắc Việt Nam Quốc - Dân Đảng vì vậy lên đến 17/48. Hậu quả là số phiếu của các cử tri cảm tình với đảng đã bị chia xẻ khắp các liên danh Việt Nam - Quốc Dân Đảng, do đó, mỗi liên danh không được là bao. Tình

trạng chia xẻ phiếu này đáng lẽ nên chặn được nếu các hệ phái Quốc Dân Đảng phối hợp để đưa ra một số liên danh chung.

Tóm lại, vì không thống nhất nội bộ, Việt Nam Quốc Dân Đảng đã không tận dụng được lợi điểm của thể thức đầu phiếu như các liên danh công giáo. Nói khác đi, tác dụng hội nhập của thể thức đầu phiếu bị hạn chế bởi sự phân hóa của các chính đảng.

b. - Sự khủng hoảng lãnh tụ. -

Tình trạng chung của các chính đảng quốc gia hiện nay là nạn khủng hoảng lãnh tụ ngày càng trầm trọng. Ngay cả trong nội bộ chính đảng cũng thế, mỗi nhóm, mỗi phe phái có một lãnh tụ riêng. Những lãnh tụ này lại không đủ khả năng để lãnh đạo quần chúng và dàn xếp nội bộ, không đủ uy tín để lôi cuốn sự ủng hộ nhiệt tình của quần đại quần chúng đảng viên. Cho nên, sự thất bại của các chính đảng trong cuộc bầu cử không có gì là lạ.

c. - Nạn lạm phát liên danh ứng cử. -

Một nét đặc sắc của cuộc bầu cử Thượng Nghị Viện là sự lạm phát liên danh. Chính tình trạng lạm phát này đã khiến cho tác dụng của thể thức đầu phiếu trở nên bất bình thường. Trước một rừng liên danh ứng cử, người cử tri trung bình làm sao có thể lựa chọn chính xác được? Hơn nữa vì số phiếu của các cử tri tán mác trong quá nhiều liên danh tranh cử, đã khiến cho không một liên danh nào hội được số phiếu đáng kể.

Nhưng tình trạng lạm phát này bắt nguồn từ đâu? có 2 nguyên do chính. Đó là:

- Tình trạng phân hóa của các lực lượng chính trị.

- Sự hiện diện của quá nhiều nhân sĩ, chính khách độc lập quá tự tôn nên không thể gia nhập vào bất cứ đoàn thể nào về phương diện chính trị.

Tóm lại, sự dĩ thể thức đầu phiếu liên danh hợp tuyền

áp dụng trong cuộc bầu cử Thượng Nghị Viện đã không có tác dụng hội nhập chánh trị là vì tình trạng sinh hoạt chánh trị phứt rập và phân hóa tại nước nhà hiện nay không cho phép một cuộc tập trung dư luận nào thành công được.

#### ĐOẠN IV. - CUỘC BẦU CỬ HẠ NGHỊ VIỆN VÀ CHÁNH ĐẢNG. -

Tiếp theo cuộc bầu cử Tổng Thống và Thượng Nghị Viện - ngày 3.9.1967, cuộc bầu cử Hạ Nghị Viện ngày 22.10.1967 là một thắng lợi lớn của nền đệ nhị Cộng Hòa.

Như chúng ta đã biết, Thượng Nghị Viện Việt Nam Cộng Hoà nhằm mục đích hội nhập chánh trị, thể hiện cho sự nhứt nguyên của quốc gia và tượng trưng cho chủ quyền của Quốc gia. Vì vậy Hạ Nghị Viện hẳn phải nhằm thể hiện sự đa nguyên của Quốc gia do những địa phương hợp thành và tượng trưng cho chủ quyền quốc dân ? Thật vậy, mục đích đó của Hạ Nghị Viện đã thể hiện rõ ràng qua sự áp dụng thể thức đầu phiếu đơn danh là một thể thức đầu phiếu có tác dụng đưa đến một thành phần nghị viện phức hợp, bao gồm những cá nhân có uy tín hơn là những đại diện của các lực lượng chánh trị trong nước. Mục đích của Hạ Nghị Viện quá rõ như thế, nên chúng ta không lấy làm lạ khi nhìn thấy trong mùa bầu cử Hạ Nghị Viện, các chánh đảng đã không có một cố gắng nào để kết hợp các hệ phái hoặc liên minh với nhau trong giai đoạn vận động tranh cử cũng như trong việc đưa người ra ứng cử.

Mặc dầu trong thành phần hiện tại của Hạ Nghị Viện, số các vị dân biểu vốn là đảng viên các chánh đảng và đoàn viên các lực lượng giáo phái không phải là ít, nhưng trong niên giám Hạ Nghị Viện nhiệm kỳ I, chúng tôi nhận thấy chỉ có 9 vị dân biểu có ghi đảng tịch ở tiểu sử trong tổng số 137 vị (Việt Nam Quốc Dân Đảng : 5, Dân Xã Đảng : 2, Lực Lượng Dân cử Toàn Quốc : 1 và lực lượng Tự Do Dân Chủ : 1)

Đây là một trường hợp điển hình chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng thể thức đầu phiếu ảnh hưởng rất nhiều đến sinh hoạt chánh trị Quốc gia : thể thức đơn danh đã làm cho uy tín cá nhân lấn át hẳn uy tín của các chánh đảng trong cuộc bầu cử ngày 22.10.1967.

Tóm lại, qua 4 cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, Tổng Thống và Phó Tổng Thống, Thượng Nghị Viện và Hạ Nghị Viện, phải thành thật mà nói, về phương diện chánh trị, chánh quyền đã khuyến khích các chánh đảng hoạt động ít nhất hai lần bằng cách :

- Áp dụng thể thức đầu phiếu liên danh đại diện tỉ lệ trong cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến để cho các chánh đảng có cơ hội xuất hiện trong quần chúng cũng như có tiếng nói trong nghị trường Lập Hiến.

- Áp dụng thể thức đầu phiếu liên danh hợp tuyến trong cuộc bầu cử Thượng Nghị Viện để cho mỗi chánh đảng có dịp thống nhất nội bộ và liên minh với các chánh đảng khác hầu tiện việc qui tụ dư luận trong nước thành hai hay ba khối lớn.

Nhưng, tiếc thay, các chánh đảng lúc bấy giờ đã không tự kết hợp được như ý muốn tốt đẹp nói trên của nhà cầm quyền ( vì nhiều nguyên do nội tại và ngoại lai đã phân tách ở trên). Nội rõ hơn, các chánh đảng vẫn giữ nguyên tình trạng chia rẽ và bất lực như dưới thời hậu Cách Mạng ngày 1.11.1963. Tình trạng này kéo dài đến nỗi Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa - sau nhiều lần kêu gọi các chánh đảng tự kết hợp không hiệu quả - đã đích thân đứng ra tập hợp 6 chánh đảng có khuynh hướng thân chánh quyền thành một "mặt trận cầm quyền" (mang tên MẶT TRẬN Quốc gia - Dân chủ - Xã-Hội)

Vấn đề đặt ra là tại sao phải kết hợp đảng phái thành những khối lớn ? Nội dung sáng kiến tập hợp chính trị của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa chứa đựng những đường nét nào ? đó là hai chủ đề quan trọng của chương 2 sau đây .

## Chương Hai

### ĐƯỜNG LỐI KẾT HỢP ĐẢNG PHÁI CỦA VIỆT NAM CỘNG HOÀ TRONG HIỆN TẠI

MỤC A : Nhu Cầu Kết hợp đảng phái trước hiện tình đất nước

MỤC B : Sáng kiến tập hợp chánh trị của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa.

#### MỤC A. - NHU CẦU KẾT HỢP ĐẢNG PHÁI TRƯỚC HIỆN TÌNH ĐẤT NƯỚC :

Vấn đề đấu tranh chánh trị đã bắt đầu được bàn tán xôn xao khi có cuộc gặp gỡ Mỹ - Bắc Việt tại Ba-Lê vào tháng 5. 1968. Nó lại được bàn tán nhiều hơn khi cuộc hòa đàm Ba-Lê chuyển hướng và mở rộng/sự tham dự của Việt Nam Cộng Hòa. Không phải không có lý do chính đáng cho những điều bàn tán. Có thể nói người ta đã quan tâm đến vấn đề hơi sớm khi người ta dự liệu rằng hòa đàm Ba-Lê sẽ cho ra một giải pháp, trong đó, thừa nhận hoạt động chánh trị của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam trên miền Nam tự do này. Người ta nói rằng chúng ta - phe Quốc gia - phải biết tiên liệu hoàn cảnh để sửa soạn cho thích ứng và như vậy có thảo luận về đấu tranh chánh trị với Cộng Sản bây giờ cũng không có gì là sớm, nếu không muốn nói là quá muộn. Nhưng, khi nói đến đấu tranh chánh trị là chúng ta phải nói đến sự tập hợp - chánh trị. Đó là vấn đề - hay đúng hơn - là điều kiện thiết yếu nhất cần phải có, nếu chúng ta muốn chiến thắng Cộng Sản trong môi trường chánh trị. Thành công trong việc tập hợp chánh trị là thành công trong công cuộc chiến đấu/Cộng Sản. Ngược lại, thất bại trong vấn đề này là thất bại trước mưu đồ và hành động xâm lược của quân thù. Nói cách khác, kết hợp các chánh đảng là một nhu cầu thiết yếu nhất, quan trọng nhất trong hiện tình đất nước, trước hình ảnh một cuộc chiến tranh chánh trị gay go sẽ xảy ra trong tương lai không xa. Nhưng tại sao việc tập hợp chánh trị lại có một tầm mức quan trọng đến thế? Để trả lời, chúng ta giả sử rằng trong tương lai - vì một lý do nào đó - sự

kết hợp giữa các chính đảng quốc gia không thực hiện được, trong khi, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam lại được phép tham gia vào đời sống chính trị Quốc gia dưới hình thức một đoàn thể chính trị không Cộng sản. Lúc cuộc bầu cử các định chế Quốc gia xảy ra, chắc chắn phe Quốc gia sẽ thất bại - không phải vì thực lực chung yếu kém - mà là vì chia rẽ trước kẻ thù Cộng sản có tổ chức, có lập trường thuận nhất.

- Thứ thí dụ một cuộc bầu cử Tổng Thống. Phía Quốc gia có 7 liên danh ra tranh cử, phía của cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam lẽ dĩ nhiên chỉ đưa ra một liên danh. Người Quốc gia tuy đại đa số, nhưng vì số phiếu sẽ phân tán ra cho 7 liên danh tất cả, nên rất có thể liên danh Quốc gia nhiều phiếu nhất cũng thua liên danh đối lập Cộng sản. Mặc dầu, liên danh Cộng sản chỉ thâu được một số ít phiếu so với tổng số phiếu đi bầu nhưng lại là đa số so với mỗi liên danh Quốc gia. Vậy phải làm sao cho chắc ăn? Rất giản dị, nếu 7 liên danh Quốc gia biết kết hợp lại với nhau để bầu ra một liên danh duy nhất đại diện cho toàn thể ra tranh cử với liên danh Cộng sản, thì liên danh được đa số cử tri ủng hộ trong cuộc bầu cử chắc chắn là Liên danh Quốc gia độc nhất nói trên mà không phải là liên danh Cộng sản.

- Thí dụ khác: một cuộc bầu cử Hạ Nghị Viện. Nếu các tôn giáo liên kết thỏa thuận với nhau để chỉ đưa ra một số ứng cử viên nhất định mà thôi - Chẳng hạn tại Tây Ninh, nếu tất cả tôn giáo thỏa thuận với nhau để dồn hết số phiếu cho ứng cử viên của Cao Đài - thì thử hỏi làm sao ứng cử viên của cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam không bị gạt ra ngoài?

- Hai thí dụ vừa kể chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng sự kết hợp các lực lượng chính trị, tôn giáo thành những khối lớn thật cần yếu để đi đến chiến thắng Cộng sản, sau khi chiến tranh quansự chấm dứt và hòa bình được tái lập.

- Giả thử những công dân theo Thiên-Chúa - giáo đoàn kết với nhau thành một khối hay lập thành một đảng Thiên - Chúa Giáo công khai hoạt động chính trị như đảng Thiên-chúa-Giáo ở Tây Đức, thì đó là một lực lượng chính trị đáng kể và vô cùng bổ ích cho quốc gia trong giai đoạn hiện tại. Vì xưa nay, lập

trường chống Cộng của những người theo Thiên-chúa-giáo quá rõ rệt. Chính họ là những chiến sĩ không đội trời chung với Cộng-San.

- Giả thử các tín đồ Phật giáo cũng kết hợp lại thành lực lượng chánh trị và công khai hoạt động thì lực lượng này là bộ phận đáng kể trong khối dân tộc.

- Giả thử toàn thể tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đoàn kết muôn người như một trong tinh thần thương yêu đùm bọc và che chở lẫn nhau như lời đức Thầy phân dạy để tạo thành một lực lượng chánh trị trong hiện tình đất nước thì quả đó là đại - phước cho miền Nam này.

- Giả thử toàn thể tín đồ Cao Đài Giáo, gác bỏ mọi tị hiềm, tập hợp lại với nhau thành một khối thì chắc chắn, với quá trình tranh đấu chống thực Cộng, giáo phái này sẽ có một thế đứng chánh trị vững mạnh trong cộng đồng Quốc gia và rất cần thiết cho đất nước trong giai đoạn đấu tranh chánh trị một mất một còn với Cộng sản.

- Giả thử Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt cùng nhau đoàn kết dưới danh nghĩa Quốc Dân Đảng như hồi nào ở Bắc thì thanh thế của họ sẽ nổi lên như còn và không biết chừng đó là cơ quan đầu não của toàn bộ lực lượng đấu tranh chánh trị với Cộng sản tại Miền Nam trong hiện tại và tương lai.

chánh trị  
- Tóm lại, tầm mức to lớn của vấn đề kết hợp là một thực tế hiển nhiên không ai có thể phủ nhận được. Chính vì lý thực được điều đó mà Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã nhiều lần kêu gọi các chánh đảng kết hợp lại với nhau, cũng như đưa ra sáng kiến "tập hợp chánh trị" vào ngày 7.4.1969. Từ đó, "mặt trận cam quyền" mang tên "MẶT TRẬN Quốc gia Dân Chủ Xã Hội" được khai sinh sau này và do chính Tổng Thống lãnh đạo.

Sau đây, chúng ta thử tìm hiểu xem đâu là đường lối tập hợp chánh trị của Việt Nam Cộng Hòa qua sáng kiến và các lời kêu gọi của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa ?



MỤC B. - SÁNG KIẾN TẬP HỢP CHÍNH TRỊ CỦA TỔNG THỐNG VIỆT NAM  
CỘNG HÒA

ĐOẠN I. - ĐƯỜNG LỐI TẬP HỢP. -

Không kể về phương diện pháp lý, Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa ban hành vào ngày 1.4.1967 tại chương VII nói về chính đảng và Đối Lập, theo đó :

- Quốc Gia công nhận chính đảng giữ vai trò thiết yếu trong chế độ dân chủ (điều 99)
- Chính đảng được tự do thành lập và hoạt động theo các thể thức và điều kiện luật định (điều 99)
- Quốc gia khuyến khích việc tiến tới chế độ lưỡng-đảng (điều 100).
- Quốc gia công nhận sự định chế hóa đối lập chính-trị (điều 101).
- Một đạo luật sẽ ấn định qui chế chính đảng và đối lập chính trị (điều 102)

Trong thực tế, từ khi nhậm chức đến nay, Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu cũng đã nhiều lần nói đến các chính đảng :

- Trước hết trong cuộc gặp gỡ báo chí ngày 27.12.67 tại Dinh Độc Lập, Tổng Thống đã bảo rằng "Muốn đối phó với Cộng Sản về mặt chính trị sau khi chiến tranh chấm dứt, phía người Quốc gia, chúng ta cần phải tổ chức quan chúng". Nhưng, công việc tổ chức này chỉ có thể đem lại kết quả tốt đẹp nếu nhân dân tự động đứng ra làm lấy. Bởi đó, Tổng Thống ngó ý hy vọng các chính đảng Quốc gia sẽ can đảm đứng ra lãnh trách nhiệm tạo thế chống Cộng mạnh mẽ cho Quốc gia .

tân

- Ba hôm sau, ngày 30.12.1967 nhân cuộc tiếp/tổ chức tại Dinh Độc Lập vào dịp Tết Dương Lịch, Tổng Thống lại tuyên bố rằng điều đáng cho nhân dân miền Nam Việt Nam lo ngại nhất hiện nay không phải là bị đồng minh bỏ rơi hay sự thành lập một chính phủ liên hiệp có Cộng Sản tham dự, mà là

phía Quốc gia thiếu mất một chính đảng mạnh để đương đầu lại chính đảng mà Cộng Sản nắm vùng có thể thành lập sau này khi hòa bình tái lập. Bởi đó, Tổng Thống kêu gọi dân chúng mau mau thành lập chính đảng hợp pháp để chặn chính hàng ngũ Quốc gia cùng chính quyền đối phó với Cộng Sản, trước khi quá muộn. Tổng thống cũng cho biết Ông mong mỗi Việt Nam Cộng Hòa có một hệ thống chính đảng đối lập mạnh mẽ và hứa sẽ giúp đối lập những phương tiện để phát triển.

- Sau các biến cố Tết Mậu Thân ngày 29.6.1968 Tổng Thống có mời đại diện các chính đảng đến dinh Độc Lập để trao đổi quan điểm về tình thế nước nhà qua bốn vấn đề có liên quan đến chính đảng. Đó là các vấn đề :

- \* Vai trò của chính đảng đối với thể chế Việt Nam Cộng Hòa
- \* Vai trò của chính đảng đối với tình thế hiện nay của Việt Nam Cộng Hòa.
- \* Mối tương quan giữa chính đảng và chính quyền.
- \* Sự thành hình của một hệ thống lưỡng đảng.

Sau cuộc tiếp xúc ngày 29.6.1968 này, người ta nhận thấy, về phía chính quyền, chính đảng được quan niệm như sau trong sinh hoạt chính trị, trong đời sống quốc gia :

1.- Muốn thực hiện một nền dân chủ thực sự, toàn vẹn và vững chắc cần phải có một hệ thống chính đảng lớn mạnh, quân bình và ổn định.

2.- Muốn chiến thắng được Cộng sản, Việt Nam Cộng Hòa - không thể chỉ dựa vào lực lượng của chính quyền và quân đội mà còn phải dựa vào lực lượng của các chính đảng có gốc rễ vững chắc trong quần chúng.

3.- Muốn thực hiện chính sách quốc gia, Việt Nam Cộng Hòa - không thể chỉ dựa vào mạng lưới của nhà cầm quyền mà còn phải nhờ các chính đảng huy động quần chúng tham dự các công cuộc xây dựng do chính quyền đề ra.

4.- Muốn giải quyết tận gốc rễ cuộc chiến tranh hiện tại và xây dựng một nền hòa bình lâu dài, vững bền cần phải có chính đảng tham chiến trong mặt trận chính trị.

5.- Việc kết hợp các lực lượng lẻ tẻ thành những chính đảng lớn do nơi dân chúng tự động làm lấy - chính quyền chỉ khuyến khích và giúp đỡ - thì mới có hiệu quả tốt. Sự ép buộc và thúc đẩy của chính quyền chỉ có thể đưa đến sự thất bại.

- Nhưng sang năm 1969, trước hình ảnh đấu tranh chính trị với Cộng sản vào thời hậu chiến, Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa lại đưa ra thêm một sáng kiến mới - đúng hơn - một kế hoạch mới về vấn đề tập hợp chính trị trong một thông điệp đọc trước Quốc Hội nhân buổi khai mạc khóa họp thường lệ kỳ đầu năm 1969 (vào ngày 7.4.1969). Theo đó, chính Tổng Thống sẽ đứng ra huy động việc tập hợp chính trị thành hai phía : phía cầm quyền và phía đối lập : "... những ai đồng ý với tôi về lý tưởng Quốc gia về những mục tiêu phải thực hiện - cho đất nước, về những tai họa phải tránh cho dân tộc, tôi nghĩ rằng khi chúng ta đã cùng chí hướng thì phải hợp tác với nhau được.... Còn đối với những nhân vật, những đồng bào không đồng ý với tôi - tôi muốn nói rõ - không đồng ý về cách thức, về phương pháp chứ không phải về lý tưởng, vì chỉ có Cộng sản thì mới không đồng ý với chúng ta về lý tưởng - Quốc gia, Vàng, những ai không đồng ý với tôi, tôi cũng mong muốn và hơn thế nữa, tôi đòi hỏi các vị ấy cũng phải tập hợp lại, cũng phải tổ chức lại vì như vậy cũng tức là góp phần giải quyết các vấn đề lãnh đạo và tổ chức về một phía khác phía được gọi là đối lập..." Đó là nguyên văn lời kêu gọi của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa (trích trong Thông Điệp ngày 7.4.1969.)

Như vậy, hiện nay, phương thức tập hợp chính trị của Việt Nam Cộng Hòa là : Tổng Thống lãnh đạo "đảng cầm quyền" các lực lượng chính trị không đồng ý với Tổng Thống về cách thức, về phương pháp thực hiện mà không phải về lý tưởng, sẽ tự do tập hợp lại thành "phía đối lập".

Trong thực tế, phương thức tập hợp này đã được cụ thể hóa qua sự thành hình và hoạt động của "mặt trận cầm quyền" sáu đảng (mang tên Mặt Trận QUỐC-GIA DÂN-CHỦ XÃ-HỘI") do chính Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa làm Chủ Tịch Chủ Tịch Đoàn.

Tuy nhiên, phải công nhận rằng, cho đến nay, kế hoạch tập hợp chánh trị nêu trên của Tổng Thống vẫn chưa được thể hiện đúng mức về "phía đối lập" cũng như về "phía cầm quyền". Tại sao? Có một vài lý do chính yếu để giải thích mà chúng tôi xin nêu ra sau đây trong phần nhận xét.

## ĐOẠN II. - NHẬN XÉT THỰC TẾ. -

### 1.- Về phía đối lập :

Trong bài diễn văn đọc nhơn dịp tiếp xúc với các lãnh tụ chánh trị vào ngày 29.6.1968 tại Dinh Độc Lập cũng như trong Thông Điệp ngày 7.4.1969 đọc trước Quốc hội nhơn buổi khai mạc khóa họp thường lệ kỷ đầu năm 1969, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã có nhận xét về đối lập và Hiến Pháp hết sức đúng đắn, rằng "Quốc gia khuyến khích tiến tới chế độ lưỡng đảng. Tuy nhiên, khuyến khích không có nghĩa là bắt buộc" và sự thiết lập chế độ đảng phái "... cũng phải tùy thuộc một phần vào những điều kiện tự nhiên của hoàn cảnh chánh trị chứ không phải ta muốn có lưỡng đảng là có thể bằng luật lệ mà có ngay chế độ đó tức khắc...". Cũng như, "thật ra, chỉ có thể đóng vai trò đối lập thật sự khi lực lượng đóng vai trò ấy cũng là một chánh đảng mạnh, có lãnh đạo sáng suốt, có tổ chức chặt chẽ có tinh thần trách nhiệm và hành động có trách nhiệm. Không có một lực lượng như vậy, không thể nào có được đối lập thật sự, đối lập một cách hữu hiệu và có trật tự".

Như vậy, Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa đã sẵn sàng chấp nhận sự có mặt của các chánh đảng đối lập mạnh mẽ và có trật tự. Chúng ta tán đồng lập trường của Tổng Thống về phương diện này vì lý do "không có tập hợp, không có lãnh đạo, không có tổ chức, người ta chỉ có thể đi đến hỗn loạn chứ không thể đi đến đối lập". Hơn nữa, dân chúng Việt Nam ngày nay rất sợ nạn đối lập cuội. Nên, nếu chỉ dung nạp có một chánh đảng đối lập, thì

những người không chịu theo chánh quyền, lại ngờ vực chánh đảng đối lập là đối lập cuối, sẽ không có môi trường hoạt động. Sự có mặt của nhiều chánh đảng đối lập sẽ giúp chúng ta giải quyết vấn đề ít nhất trong giai đoạn hiện tại. Ngày nào nền dân chủ đã vững chắc, các chánh đảng đối lập kết hợp với nhau lại thành một khối cũng không muộn. Tổng Thống đã chấp nhận sự hiện diện của nhiều đảng đối lập.

Tuy nhiên, tướng chánh quyền cũng cần phải để ý đến những điều kiện hoạt động của đối lập về phương diện pháp lý.

Tổng Thống đã nói đến việc giúp đỡ các chánh đảng về vật chất. Điều này rất hữu ích nhưng chưa phải là cần thiết lắm. Một chánh đảng muốn giữ vững sự độc lập tinh thần hẳn phải tìm cách tự túc về tài chánh, hơn là nhờ vả vào chánh quyền. Sự giúp đỡ chánh đảng của chánh quyền, nếu có, càng tốt. Nhưng không có cũng chẳng hại gì. Điều mà các chánh đảng - như là các chánh đảng đối lập - không có không được cho sự phát triển là một khuôn khổ pháp lý thuận tiện. Hiện tại, điều kiện này vẫn chưa có vì hai sự kiện sau đây :

a. - Chủ trương kiểm soát danh tánh đảng viên các chánh đảng của chánh quyền :

Chủ trương này của chánh quyền thể hiện rõ rệt qua qui chế chánh đảng đã ban hành. Theo qui chế đó, muốn được công nhận là hợp pháp, chánh đảng phải có một số đảng viên tối thiểu :

- hoặc 10 ban chấp hành Tỉnh, Thị Bộ. Mỗi Tỉnh, Thị Bộ có ít nhất 500 đảng viên.

- hoặc 5 ban chấp hành Tỉnh, Thị Bộ mỗi Tỉnh, Thị Bộ có ít nhất 500 đảng viên. Trong đó có 10 đảng viên chánh thức là đại diện dân cử trong Quốc Hội (trích điều 10 luật số 009/69 ngày 19.6.1969 ấn định "qui chế chánh đảng và đối lập chánh trị").

Và, "mỗi chánh đảng phải lập sổ kê khai danh tánh đảng viên tại trung ương và từng địa phương. Các quyền sổ kê khai

phải ghi rõ họ và tên, ngày và nơi sinh, trú quán, nghề nghiệp, số căn cước, ngày và nơi cấp, ngày nhập đảng của đảng viên cho chánh quyền kiểm soát trước khi công nhận tính cách hợp pháp của nó (theo điều 16 luật số 009/69 ngày 19.6.1969 vừa nói).

Các điều kiện kiểm soát nêu trên có lợi là làm cho số các chánh đảng giảm bớt vì các chánh đảng nhỏ yếu sẽ không đủ điều kiện để được công nhận hợp pháp. Nhưng, trong thời kỳ tranh đấu chống Cộng quyết liệt như hiện nay, đảng viên một chánh đảng chống Cộng nhưng đối lập với chánh quyền và không được lực lượng võ trang của chánh quyền che chở sẽ rất dễ bị Cộng sản - khủng bố, nếu danh tánh bị tiết lộ. Bởi đó, việc bắt buộc chánh đảng khai báo tên họ, địa chỉ đảng viên lúc này là một trở ngại cho các chánh đảng đối lập và chống Cộng.

#### b. - Luật Tổng Động Viên. -

Hiến pháp và quy chế đảng phái đã ban hành đều cấm quân nhân tại ngũ sinh hoạt đảng phái (điều 4 luật số 009/69 : "quân nhân tại ngũ không được sinh hoạt đảng phái nhưng có quyền giữ nguyên đảng tịch"). Điều này, gây trở ngại rất lớn cho các chánh đảng vì thanh niên dưới 18 tuổi thì không được phép gia nhập chánh đảng (điều 3 luật số 009/69 : "Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi có quyền gia nhập một chánh đảng"). Còn những ai từ 18 tuổi đến 45 tuổi theo luật động viên hiện hành, đều có thể gọi nhập ngũ. Do đó, không thể nào sinh hoạt đảng phái được. Hậu quả là phần lớn cán bộ các chánh đảng không thể hoạt động và các chánh đảng ít nhiều bị tê liệt (như hiện nay).

Trộm nghĩ, nếu chánh quyền thành thật cho rằng chính - đảng cần thiết cho công cuộc chiến đấu chống Cộng, xây dựng dân chủ và kiến thiết quốc gia, hẳn sẽ phải đưa ra những biện pháp cụ thể để tạo một khuôn khổ pháp lý thuận tiện cho sự hoạt động của các chánh đảng. Các chánh đảng Quốc gia chống Cộng cần một khuôn khổ pháp lý tự do và cởi mở hơn.

#### 2. - Về phía Giám quyền. -

Sau khi sáng kiến tập hợp chánh trị của Tổng Thống Việt

Nam Cộng Hòa được công bố vào ngày 7-4-1969 trong dư luận quần chúng - nhất là báo giới và chính khách - nhiều cuộc thảo luận sôi nổi đã xảy ra.

Theo Nghị Sĩ Đặng Văn Sung, Chủ Tịch khối Quốc Hội Xã Hội Dân Chủ, thì "Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu đã đặt đảng phái vào một thế phải tranh đấu. Mặc dầu chưa phải là tranh đấu với địch thù mà mới chỉ là tranh đấu với chính mình để thanh toán các nhược điểm của mình, nhưng đây là một cuộc tranh đấu then chốt. Sự thành bại sẽ quyết định sự thành bại của ta trong tương lai" (trích trong bài "chuan bị cuộc đấu tranh chính trị" của Nghị sĩ Đặng Văn Sung thuyết trình trước buổi hội thảo qui tụ khoảng 70 nhân sĩ, chính khách, lãnh tụ tôn phái tổ chức tại Saigon ngày 14.4.1969).

Nhận định về quyết định tập hợp chính trị của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa - trong bang "phân tách thông điệp ngày 7.4.1969 của Tổng Thống" - Nghị sĩ Trần Văn Đôn, trưởng khối Cộng Hòa Thượng Viện đã cho rằng : "việc tập hợp các lực lượng chính trị là một nhu cầu sinh tử, nếu không thực hiện được, là ta đã thua trong cuộc đấu tranh chính trị sắp tới".

Nói chung, mọi người mọi giới đều đồng ý rằng quyết định của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa có một tầm mức quan trọng đặc biệt. Sự thành bại của Tổng Thống sẽ có ảnh hưởng lớn lao, không những chỉ riêng cho Tổng Thống, mà cho cả chế độ hiện hữu và hàng ngũ Quốc gia nói chung. Nhưng, vấn đề quan trọng là tập hợp những ai ? Trên phương thức căn bản nào ? Dư luận cũng đã một thời bàn cãi sôi nổi về vấn đề này. Chung qui, mọi người đều đồng ý rằng có hai đường lối tập hợp chính về "phía cầm quyền" :

- Hoặc là tập hợp cho thật nhiều với những điều kiện dễ dàng để tạo nên một khối liên minh lớn và lỏng lẻo rồi sẽ tính sau. Theo cách này, Tổng Thống sẽ mời tất cả các lực lượng chính trị ngồi lại với nhau và những đoàn thể nào không chịu cộng tác thì Ông đành ghi nhận sự kiện đó.

- Hoặc là lựa chọn những đảng phái và nhân vật nòng cốt

gần với Tổng Thống, có thể đi sát với Ông và vốn được Ông tin cậy. Theo cách này, Tổng Thống sẽ tiếp xúc với tất cả các đoàn thể. Nhưng, sau khi cân nhắc các ý kiến và các điều kiện của mỗi đoàn thể, Ông sẽ chỉ mời những đoàn thể được Ông chọn lọc mà thôi.

Mỗi cách có cái hay và cái dở riêng :

- Nếu tập hợp cho thật nhiều theo cách thứ nhất, người ta sẽ thấy một khối chánh trị của chánh quyền rất lớn lao. Do đó, uy thế của Tổng Thống có thể bộc phát. Nhưng theo lối này việc tập hợp có thể nguy hiểm vì một liên minh lớn lao sẽ bị lỏng lẻo, không hữu hiệu và dễ bị chia rẽ do mặc cảm lớn nhỏ giữa các chánh đảng trong tập hợp.

- Tập hợp theo cách thứ hai sẽ đưa đến một liên minh nhỏ hơn, nhưng vững hơn và có thể rất hữu hiệu, nếu tập hợp được một số nhân vật và chánh đảng có thực lực. Trong thực tế "Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội" đã ra đời theo lối tập hợp thứ hai này.

Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội - một cách tổng quát - được tổ chức như sau :

- Về thành phần : Mặt Trận qui tụ 6 chánh đảng tương đối có thực lực hơn cả trong sinh hoạt chánh trị hiện tại. Đó là :

- \* Việt Nam Quốc Dân Đảng (hệ phái Vũ Hồng Khanh)
- \* Nhân xã Đảng (Trương Công Cửu, Ngô Khắc Tĩnh...)
- \* Dân xã Đảng (Trình quốc-Khánh)
- \* Lực lượng Tự Do Dân Chủ (Nguyễn văn Hường)
- \* Lực lượng Đại Đoàn Kết (Nguyễn gia Hiến)
- \* Đại Việt Cách Mạng (Hà Thúc-Ký)

- Về sinh hoạt nội bộ .- Tất cả 6 đảng trong Mặt Trận



đều bình đẳng và giữ nguyên sắc thái, cá tính, chương trình của mình ngoài việc có cùng một chương trình chung.

- Về điều hành : Mặt Trận được lãnh đạo bởi một Hội Đồng Chủ Tịch gồm đại diện 6 đảng và Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa là Chủ Tịch Chủ Tịch Đoàn. Hội Đồng Chủ Tịch có nhiệm vụ đề ra chính sách, chiến lược, chiến thuật, hoạch định mọi công tác nội bộ nhằm củng cố, phát triển Mặt Trận.

Trên nguyên tắc Mặt-Trận Quốc Gia Dân-Chủ Xã-Hội là một mặt trận cầm quyền, đúng lý ra, nó phải thật sự nắm chánh quyền, điều khiển guồng máy Quốc gia từ các chức vụ Tổng Thống, Thủ Tướng đến các Tổng Bộ Trưởng...., Nhứt là, nó phải có nhiệm vụ hậu thuẫn cho Tổng Thống và chánh phủ trong mọi vấn đề, vai trò của nó là trung gian liên lạc, là cái gạch nối giữa chánh quyền và quần chúng trong việc phổ biến và thi hành chính sách, chủ trương, đường lối của chánh phủ. Và ngược lại, tìm hiểu và đạo đạt nguyện vọng, nhu cầu của quần chúng lên chánh phủ.

Nhưng, trong thực tế, qua hai sự kiện :

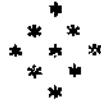
- Sự hiện diện quá ít các lãnh tụ của Mặt-Trận Quốc Gia Dân-Chủ Xã-Hội trong "nội các chánh trị" do Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm lãnh đạo hiện hữu.

- Lời tuyên bố mới đây của Lục Lượng Đại Đoàn kết (qua tin tức báo chí) rằng lục lượng này sẽ nhứt quyết xuống đường sau khi Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đọc Thông - Điệp trước Luồng Viên Quốc hội. Cuộc xuống đường sẽ chống đối quyết liệt, nếu Tổng Thống nhượng bộ thêm. Còn ngược lại, nếu Tổng Thống cứng rắn trong lập trường, thì cuộc xuống đường có mục đích ủng hộ.

Chúng tôi nghĩ rằng Mặt-Trận Quốc-Gia Dân-Chủ Xã - Hội là một "mặt trận cầm quyền" với ý nghĩa thật tương đối Bởi vì, một mặt chúng ta không thể nào giải thích được hai chữ "cầm quyền" chính xác - khi mà - trong nội các hiện hữu chỉ có một số rất ít người của Mặt-Trận Quốc-Gia Dân - Chủ Xã-Hội. Mặt khác, nếu Mặt trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội,

là "mặt trận cảm quyền" đúng ý nghĩa thì không thể có cái hiện tượng một "thành phần cảm quyền" như lực lượng Đại Đoàn Kết lại đi tuyên bố những câu có tính cách làm áp lực như trên đối với Vị nguyên thủ Quốc gia, đồng thời là Chủ tịch Chủ tịch Đoàn của Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội.

Tuy nhiên, tưởng cũng cần nói ngay là những nhận xét của chúng tôi trên đây hoàn toàn có tính cách luận lý, có khi không đúng với sự thật. Bởi vì, hậu trường chánh trị có rất nhiều bí ẩn. Có hiểu rõ những bí ẩn đó, người ta mới có thể đưa ra những nhận xét sâu sắc được. Tiếc thay, chúng tôi không có cái hân hạnh hiểu biết ấy.



## KẾT LUẬN

Sau khi đã xét qua mối tương quan giữa các thể thức đầu phiếu và các chính đảng trong sinh hoạt chính trị tại một quốc gia dân chủ.

Sau khi đã trình bày sơ lược mối tương quan giữa hai định chế bầu cử và chính đảng tại Việt Nam Cộng Hòa (từ thời đệ I đến thời đệ II Cộng Hòa) với những sự kiện chính trị xảy ra, đôi khi khá đặc biệt đối với nếp sinh hoạt chính trị thông thường tại các quốc gia tiến bộ.

Sau khi đề cập đến đường lối kết hợp đảng phái hiện nay của Việt Nam Cộng Hòa là hướng về một hệ thống sinh hoạt chính trị - trong đó - các đảng phái chia ra làm hai khuynh hướng : ủng hộ chính quyền và đối lập với chính quyền.

Sau khi mô tả sơ qua kế hoạch tập hợp chính trị của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa với một vài nhận xét thiên cận về "phía đối lập" cũng như về "phía cầm quyền" (Mặt - Trận Quốc-Gia Dân-Chủ Xã-Hội)

Chúng tôi nhận thấy có 2 điểm chính yếu sau đây cần nêu lên về tổ chức bầu cử và kết hợp chính đảng :

- Điểm thứ nhất :

Tổ chức bầu cử và kết hợp chính đảng có một mối tương quan vô cùng mật thiết. Nếu thể thức đầu phiếu có tác dụng đối với sinh hoạt chính trị thì ngược lại, sinh hoạt chính trị cũng có ảnh hưởng quan trọng đối

với thể thức đầu phiếu được đem ra áp dụng. Điều này không ai có thể phủ nhận được.

- Điểm thứ hai : Việc kết hợp các lực lượng chính trị lẻ tẻ thành những chính đảng lớn phải do nơi dân chúng tự động làm lay thì mới có hiệu quả tốt. Sự thúc đẩy, cưỡng ép của chính quyền/có thể đưa đến sự thành công.  
khó

Trường hợp Việt Nam Cộng Hòa với một tình trạng - sinh hoạt chính trị đặc biệt, trong đó sự phân hóa trầm trọng giữa các hệ phái mỗi chính đảng, giữa các lực lượng chính trị tôn phái và sự hiện diện của quá nhiều các nhân sĩ, chính khách độc lập đã làm cho các thể thức đầu phiếu mất đi tác dụng chính trị thông thường. Đồng thời, cũng đã làm cho việc tập hợp chính trị trở nên vô cùng khó khăn. Trong bao năm qua, không ai có đủ uy tín và khả năng chính trị để có thể đứng ra tập hợp các chính đảng thành hai hay ba khối lớn. Các lực lượng chính trị ngày càng chia rẽ, ngày càng mâu thuẫn. Đến nỗi, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu - sau nhiều lần kêu gọi các đảng phái tự động ngồi lại với nhau không hiệu quả - đã phải đứng ra huy động việc tập hợp dư luận thành hai phía cam quyền và đối lập để kịp thời đầu tranh chính trị với Cộng sản sau này.

Nhưng cho đến nay, hình như Tổng Thống vẫn chưa tìm được trọn vẹn đáp số của bài toán tập hợp đã đưa ra. Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội hiện hãy còn trong thời kỳ hàn dưỡng và chấn chỉnh nội bộ. Trong khi, phía đối lập cũng chỉ mới bắt đầu khởi sắc mấy lúc gần đây, qua sự xuất hiện của một vài lực lượng chính trị, đáng kể như Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến.

Tuy nhiên, hướng về tương lai, chúng ta hy vọng rằng cuộc tập hợp chính trị của Việt Nam Cộng Hòa sẽ thành công, vì hai lý do :

- Về phía Mặt-Trận Quốc-Gia Dân-Chủ Xã-Hội có nhiều dấu hiệu cho thấy sự hợp tác giữa 6 đảng ngày càng hữu hiệu

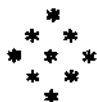
ngày càng vững chắc hơn, mà nguyên do bắt nguồn từ ý thức đoàn kết trước hiểm họa Cộng Sản của các chính đảng.

- Về phía Đối Lập : Trước kẻ thù lâm le ngoài ngõ trước lực lượng khá hùng hậu của người bạn "cầm quyền" là Mặt Trận Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội, các phe nhóm đối lập với chính quyền - chặc chần - sẽ ngồi lại với nhau vì sự e sợ bị đè bẹp bởi đối phương Cộng Sản và người bạn cầm quyền.

Di nhiên, sự thành công còn tùy thuộc một phần lớn vào thiện chí xây dựng đảng phái và tinh thần tôn trọng đối lập của các vị lãnh đạo Quốc Gia hiện tại. Chúng tôi tin rằng thiện chí và tinh thần này có thừa ở Tổng Thống-Việt Nam Cộng Hòa qua những lời kêu gọi và những việc mà Ông đã thực hiện cho đảng phái trong suốt thời gian từ khi nhậm chức cho đến nay.

Tin tưởng rồi đây :

- Trong một ngày không xa, các chính đảng quốc gia sẽ tìm lại được vai trò lãnh đạo quần chúng của họ, sau bao nhiêu năm qua đã đánh mất - Giữa các thể thức đầu phiếu và các chính đảng tại Việt Nam Cộng Hòa sẽ có một mối tương quan mật thiết và nhịp nhàng đúng như sự khẳng định của các định luật về đầu phiếu mà Giáo Sư Maurice Duverger đã đưa ra.



# TÀI LIỆU THAM KHẢO

- NGUYỄN-VAN-BÔNG

Luật Hiến-Pháp và Chính-trị-học - Thư-Lâm Ấn-Quán  
Saigon 1967.

- LÊ-DÌNH-CHÂN

Luật Hiến-Pháp và các Định-chế Chánh-trị  
Tủ sách Đại-Học - In lần II - Saigon 1966.  
Hiến-Pháp Đệ-Nhị Cộng-Hòa - Tủ sách Đại-Học  
Saigon 1969.

- NGUYỄN-VAN-TƯƠNG

Chánh-trị-học Giản-Yếu - Giảng-văn Học-Viện Quốc  
Gia Hành-Chánh 1968 - - 1969.

- LÊ-CÔNG-TRUYỀN

Lược-khảo về mối tương-quan giữa các thể - thức  
đầu phiếu và sự thành-lập các chánh-đảng - Tập-  
san nghiên-cứu Hành-chánh - tháng 1 và 2/1962.

- NGUYỄN-KIM-KHÁNH

Vấn-đề chánh-đảng tại Việt-Nam - Luận-văn tốt  
nghiệp ban Cao-Học Hành-chánh khóa I (1965-1967)  
Saigon.

- NGUYỄN-NHỌC-DIỆP

Cuộc bầu-cử Thượng-Nghị-Viện Việt-Nam Cộng - Hòa  
ngày 3-9-1967 - Luận-văn tốt nghiệp Cao-Học Hành  
chánh khóa II ( 1966 - 1968 ) - Saigon .

- MAURICE DUVERGER

1/ Droit constitutionnel et Institutions Politiques  
3<sup>e</sup> édition - Presses Universitaires de France  
1958.

3/L'Influence des Systèmes électoraux - Paris 1950.

- GEORGES LACHAPPELLE

Les régimes électoraux - Armand Colin - Paris 1934.

- CÁC NHỊT-ĐẢO VIỆT-NGŨ:

Chính-Luận - Quyền-Sống - Quyết-Tiến - C ô n g -  
Luận - Cấp-Tiến , . . . .

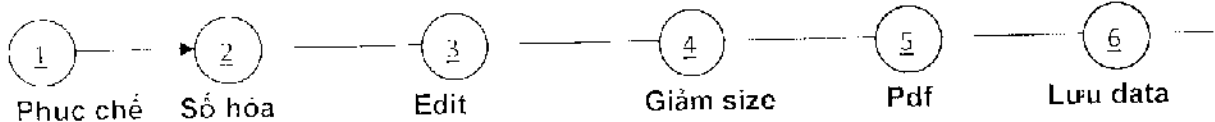
- CÁC TÀI-LIỆU : Theo thứ-tự thời-gian :

- 1/Sắc-luật số 22/66 ngày 19 - 6 - 1966 và các sắc luật kế tiếp về việc tổ-chức bầu-cử Quốc- H ô i Lập-Hiến ngày 11 - 9 - 1966 .
- 2/Hồ-sơ về bầu-cử Q.H.L.H. lưu-trữ tại Phủ-Đặc-Ủy Hành-Chánh (nay là Bộ Nội-Vụ) .
- 3/Hiến-Pháp V.N.C.H. ngày 1-4-1967 .
- 4/Luật-số 001/68 ngày 15-6-1967 về việc Tổ-chức bầu cử Tổng-Thống và Phó Tổng-Thống ngày 3-9- 1967.
- 5/Luật-số 002/67 ngày 15-6-1967 ấn-định thể - thức bầu-cử Thượng-Nghị-Viện ngày 3 - 9 - 1967.
- 6/ Luật-số 004/67 ngày 7-9-1967 ấn-định thể - thức bầu-cử Hạ-Nghị-Viện ngày 22 - 10 - 1967.
- 7/Các hồ-sơ về bầu-cử Tổng-Thống, Thượng-Nghị-Viện và Hạ-Nghị-Viện lưu-trữ tại Bộ Nội-Vụ.
- 8/Niên-giám Hạ-Nghị-Viện pháp-nhiệm I .
- 9/Bài nói chuyện của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa trong buổi tiếp xúc chánh-trị tại Dinh Độc - Lập ngày 29 - 6 - 1968 .
- 10/T hông-điệp của Tổng-Thống Việt-Nam Cộng - Hòa đọc trước Quốc-Hội Lương-Viện nhân buổi khai-mạc khóa họp thường lệ kỳ đầu năm 1969 (ngày 7 - 4 - 1969 ) .

I. Thông tin về tài liệu

- Ký hiệu: *LVHC 505*
- Loại tài liệu: *Lưu trữ*
- Người giao: *B.G.*
- Hộp đóng  Kế hoạch  Khác (tự nhân):
- Yêu cầu scan
- Bình thường  Cần file Raw  Khác:

Tên tài liệu: *Tổ chức An ninh cấp xã kết hợp chính quyền*  
 Kích thước, số trang: *68 m*  
 Người, ngày nhận: *Quê 03.05.13* *Đang*



II. Phục chế trước số hóa:

- Kỹ thuật: .....
- Người thực hiện: ..... Thời gian: .....

III. Kỹ thuật số hóa áp dụng

- Camera. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Bookeyes. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Proserv. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Khác: ..... Người thực hiện: *Tấn* Thời gian: *3/5/13* Kỹ thuật: .....

IV. Xử lý sau số hóa: (tên/ thời gian)

- Edit  Giảm size  PDF

IV. Lưu dữ liệu/ Biên mục

- Không phục vụ  Phục vụ hạn chế  Phục vụ rộng rãi
- Lưu dữ liệu (tên/ ngày lưu)